

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN

**ĐOÀN GIÁM SÁT**

Số: 176 /BC-ĐGS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 12 năm 2024

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả giám sát việc thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021 - 2025**

Thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh về Chương trình giám sát năm 2024 của HĐND tỉnh Thái Nguyên; Kế hoạch số 20/KH-HĐND ngày 29 tháng 2 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về giám sát chuyên đề việc thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021 - 2025. Đoàn giám sát đã tổ chức khảo sát, giám sát đối với UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố và 09 cơ quan, đơn vị gồm: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp; giám sát thông qua báo cáo đối với một số cơ quan, đơn vị. Đoàn giám sát báo cáo kết quả như sau:

#### **I. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Xác định việc xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn là nhiệm vụ quan trọng, góp phần hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội. Trong những năm qua, thực hiện quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, với phương châm “*Triển khai tốt, giải ngân nhanh, điều hành linh hoạt*” tỉnh Thái Nguyên luôn chú trọng việc xây dựng, triển khai kế hoạch đầu tư công trên địa bàn tỉnh, tập trung chỉ đạo việc lập Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, trên cơ sở bám sát kế hoạch tài chính - ngân sách trung hạn, khả năng ngân sách của địa phương, mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công. Việc bố trí vốn đầu tư công ngày càng tập trung, hiệu quả, cơ bản đảm bảo kịp thời, tạo điều kiện cho các ngành, các cấp chủ động tổ chức thực hiện. Công tác giải ngân vốn đầu tư công được chỉ đạo sát sao, đảm bảo tiến độ, tỷ lệ giải ngân vốn hằng năm cao hơn so với mức bình quân chung cả nước. Công tác quản lý, triển khai thực hiện dự án đầu tư công và thanh quyết toán vốn được quan tâm chỉ đạo và triển khai tích cực. Kỷ luật, kỷ cương trong đầu tư công được tăng cường, gắn liền với trách nhiệm của người đứng đầu. Công tác giám sát, đánh giá, thanh tra, kiểm tra được tăng cường; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong đầu tư công. Kết quả, nhiều công trình, dự án lớn hoàn thành đưa vào sử dụng đã phát huy hiệu quả, nhiều công trình trọng điểm về giao thông, hạ tầng kinh tế, văn hóa, xã hội đang



được tích cực triển khai; nguồn lực từ đầu tư công đã góp phần khuyến khích, thu hút đầu tư, tổng nguồn lực đầu tư toàn xã hội cho phát triển năm sau cao hơn năm trước, qua đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, góp phần xây dựng tỉnh Thái Nguyên thực sự trở thành “cực tăng trưởng” của Vùng trung du miền núi Bắc Bộ theo tinh thần Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

### **1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện các quy định pháp luật về đầu tư công**

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện pháp luật về đầu tư công và các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên được UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị quan tâm, thực hiện thường xuyên; đã ban hành trên 250 văn bản chỉ đạo, hướng dẫn việc xây dựng và thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm. Các văn bản được ban hành cơ bản phù hợp với quy định của trung ương, sát với tình hình thực tế của địa phương, kịp thời chấn chỉnh, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện, đảm bảo đồng bộ, thống nhất, sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công.

### **2. Việc xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm**

Công tác lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm được quan tâm thực hiện, cơ bản đảm bảo trình tự, thời gian theo quy định của pháp luật. Thực hiện quy trình xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn, UBND tỉnh đã chủ động, kịp thời trình HĐND tỉnh ban hành 06 Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn nguồn ngân sách địa phương, phân bổ nguồn vốn để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025<sup>1</sup>. Trên cơ sở đó, UBND các cấp đã hoàn thiện trình HĐND cùng cấp phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm đảm bảo công khai, minh bạch, phù hợp với chủ trương, định hướng phát triển được xác định tại Nghị quyết đại hội Đảng các cấp và bám sát mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 - 2025 và hằng năm; đảm bảo hiệu quả đầu tư và khả năng cân đối vốn để triển khai thực hiện.

<sup>1</sup> Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;...



Việc bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công cơ bản kịp thời, phù hợp với kế hoạch, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, tình hình thu ngân sách và khả năng huy động các nguồn vốn của tỉnh<sup>2</sup>.

Tính đến ngày 30/9/2024, tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của cấp tỉnh và cấp huyện là 47.584.634,9 triệu đồng để thực hiện 2.208 dự án và các chương trình, nhiệm vụ, tăng trên 75% so với kế hoạch vốn giai đoạn 2016 - 2020. Quy trình lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công cơ bản tuân thủ theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đất đai, Luật Đầu tư... và các quy định có liên quan, cơ bản phù hợp quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối của ngân sách địa phương. Các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện được xử lý kịp thời, đảm bảo tính hiệu quả, khả thi của dự án.

### **3. Kết quả triển khai, thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm**

#### **3.1. Kết quả phân bổ và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm**

Việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm của UBND các cấp được triển khai kịp thời, cơ bản đáp ứng nhu cầu, dự báo khả năng huy động vốn và các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công đã được HĐND tỉnh thông qua. Việc phân bổ vốn hằng năm theo thứ tự ưu tiên đảm bảo công khai, minh bạch, cơ bản khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, phân tán. Tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công trong giai đoạn 2021 - 2023 đạt kết quả khá cao. UBND các cấp đã kịp thời cân đối, bố trí vốn để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành và phát huy hiệu quả các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng của tỉnh, chương trình, dự án kết nối, có tác động liên vùng.

Đến 30/9/2024, tổng kế hoạch vốn đã giao là 32.886.142,54 triệu đồng (đạt 69,78% KHV) để thực hiện 2.107 dự án. Trong quá trình thực hiện, UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố đã kịp thời bổ sung, điều chỉnh theo thẩm quyền và trình HĐND cùng cấp điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm phù hợp với tình hình thực tế phát sinh và khả năng cân đối vốn; chủ động trong việc điều hành ngân sách, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công cho các dự án quan trọng của tỉnh, hỗ trợ cho các địa phương thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

#### **3.2. Kết quả triển khai, thực hiện và thanh, quyết toán các dự án đầu tư công**

Tính đến 30/9/2024, có 2.107/2.208 dự án được bố trí vốn triển khai thực hiện. Trong đó, có 1.448 dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng (đạt tỷ lệ 68,7%) và 75,5% tổng số dự án hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán (1.093 dự án); hiện còn 659 dự án đang triển khai thực hiện.

<sup>2</sup> Cấp tỉnh: Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 15 lần; Huyện Định Hóa và thành phố Phổ Yên 10 lần; huyện Đại Từ và thành phố Sông Công 9 lần; thành phố Thái Nguyên 8 lần; Huyện Phú Bình và huyện Đồng Hỷ 7 lần; Huyện Võ Nhai 6 lần; huyện Phú Lương 4 lần.



Công tác quản lý, triển khai thực hiện các dự án đầu tư công được UBND các cấp, các cơ quan, đơn vị tích cực thực hiện, cơ bản đảm bảo trình tự, phù hợp với chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và kế hoạch vốn đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng được quan tâm; công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu thực hiện cơ bản đảm bảo nguyên tắc cạnh tranh công bằng, minh bạch và lộ trình lựa chọn nhà thầu qua mạng theo quy định; chủ đầu tư, ban quản lý dự án, đơn vị thi công đã chủ động lập kế hoạch thực hiện dự án và thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ cơ bản theo quy định; các công trình, dự án đầu tư công sau khi hoàn thành, đưa vào sử dụng đã phát huy hiệu quả và mục tiêu đầu tư; việc bố trí vốn thanh, quyết toán các dự án đầu tư công được quan tâm.

Công tác chỉ đạo rà soát các dự án đề trình HĐND tỉnh quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án theo Điều 52 Luật Đầu tư công; kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn theo Điều 68 Luật Đầu tư công được thực hiện kịp thời. Trong kỳ giám sát, có tổng số 674 dự án trình HĐND tỉnh quyết định thời gian bố trí vốn (trong đó, 631/674 dự án đã được bố trí đủ kế hoạch vốn đúng theo thời gian quy định (đạt tỷ lệ 93,62%); 212 dự án trình HĐND tỉnh kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân (trong đó, 183 dự án đã giải ngân 100% số vốn, 16 dự án không giải ngân do hết nhiệm vụ chi, 02 dự án chuyển nguồn tiếp tục thực hiện).

#### **4. Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương và công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật trong quản lý đầu tư công**

Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan và các địa phương trong quá trình tham mưu xây dựng và thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm được đẩy mạnh, tăng cường, qua đó đã khắc phục một số khó khăn, vướng mắc trong thực hiện và giải ngân các nguồn vốn.

Công tác thanh tra, kiểm tra về quản lý đầu tư công được chú trọng, góp phần hạn chế các vi phạm trong lĩnh vực đầu tư công<sup>3</sup> (Trong giai đoạn 2021 - 2023, đã tiến hành thanh tra, kiểm tra đối với 163 dự án thuộc 06 cơ quan, đơn vị, địa phương và kiến nghị xử lý tài chính trên 22.324 triệu đồng).

Việc thực hiện các kiến nghị, kết luận giám sát, thanh tra, kiểm toán được các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm, thực hiện; nhiều kiến nghị của Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước liên quan đến xử lý tài chính thu hồi nộp ngân sách nhà nước, giảm cấp phát thanh toán đến nay đã giải quyết xong.

(Có Phụ biểu 01, 02, 03 kèm theo)

## **II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN**

### **1. Tồn tại, hạn chế**

Bên cạnh kết quả đạt được, Đoàn giám sát nhận thấy việc thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế cụ thể như sau:

<sup>3</sup> Tỉnh đã thành lập Tổ Công tác, đoàn kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện một số dự án, công trình trọng điểm, Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và năm 2021, 2022, 2023.



**1.1. Chất lượng lập, thẩm định, xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn,** đặc biệt là chất lượng thẩm định nguồn vốn đầu tư công từ nguồn thu sử dụng đất còn hạn chế, chưa sát với tình hình thực tiễn, một số huyện phải điều chỉnh giảm kế hoạch vốn nhiều lần<sup>4</sup> do đó đã ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được phê duyệt. Tính đến 30/9/2024, tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn (*bao gồm cả vốn ngân sách huyện*) phải bố trí trong kỳ đầu tư công còn 14.698.492,14 triệu đồng (*chiếm tỷ lệ 30,8% tổng KHV*), chủ yếu phụ thuộc vào nguồn thu tiền sử dụng đất<sup>5</sup>; còn 101 dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng chưa có quyết định giao vốn (*trong đó: cấp tỉnh 09 dự án, cấp huyện 92 dự án*)<sup>6</sup>; còn 83 dự án dự kiến chuyển toàn bộ kế hoạch vốn sang giai đoạn 2026 - 2030 với tổng số vốn 11.229.780 triệu đồng (*trong đó: cấp tỉnh 07 dự án; cấp huyện 76 dự án*);

**1.2. Đầu kỳ kế hoạch, việc thi hành pháp luật, áp dụng Luật đầu tư công năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành** còn gặp khó khăn, lúng túng; một số đơn vị cấp huyện chưa tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về đầu tư công trong công tác lập, xây dựng, phân bổ vốn đầu tư công như: Chậm ban hành kế hoạch đầu tư công trung hạn<sup>7</sup> hoặc ban hành kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp huyện trước khi HĐND tỉnh thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn<sup>8</sup>; xác định nguồn vốn đầu tư công để thực hiện phân bổ trong kế hoạch đầu tư công trung hạn chưa đúng quy định tại khoản 22 Điều 4 Luật Đầu tư công và quy định của Luật NSNN<sup>9</sup>; giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chưa đúng quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 27 Luật Đầu tư công<sup>10</sup>; giao nhiệm vụ chủ đầu tư dự án chưa đúng quy định tại khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Xây dựng<sup>11</sup>; HĐND cấp huyện giao nhiệm vụ quyết định chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư cho UBND cùng cấp theo quy định tại

<sup>4</sup> Huyện đồng Hỷ: Tổng kế hoạch vốn đầu kỳ là 2.364,725 triệu đồng, đến thời điểm giám sát đã giảm xuống 852.231 triệu đồng (giảm 63,96%); Huyện Phú Bình: Tổng kế hoạch vốn đầu kỳ là 2.100 tỷ đồng, đến thời điểm giám sát đã giảm xuống 1.048 tỷ đồng (giảm xấp xỉ 50%); Thành phố Sông Công: Tổng kế hoạch vốn đầu kỳ là 4.251,862 triệu đồng, đến thời điểm giám sát đã giảm xuống 2.369,376 triệu đồng (giảm 44,3%); Thành phố Phổ Yên: Tổng kế hoạch vốn đầu kỳ là 9.532,891 triệu đồng, đến thời điểm giám sát đã giảm xuống 7.356,704 triệu đồng (giảm 22,8%).

<sup>5</sup> Cấp tỉnh: 6.869.618 triệu đồng, trong đó vốn thu tiền sử dụng đất là 4.319.073 triệu đồng; Cấp huyện: 8.324.500 triệu đồng, trong đó Huyện Đồng Hỷ: Số vốn còn phải bố trí là 966.978 triệu đồng, chiếm 56,1% KHV; Huyện Phú Bình: Số vốn còn phải bố trí là 375.246 triệu đồng, chiếm 41,5% KHV; Thành phố Thái Nguyên: Số vốn còn phải bố trí là 3.801.598,2 triệu đồng, chiếm 39,6% KHV; Huyện Đại Từ: Số vốn còn phải bố trí là 1.056.367 triệu đồng, chiếm 38,4% KHV; Huyện Phú Lương: Số vốn còn phải bố trí là 257.443 triệu đồng, chiếm 35,5% KHV...

<sup>6</sup> Chi tiết tại Phụ biểu số 04 kèm theo.

<sup>7</sup> Sau khi HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025: 01 năm sau, HĐND huyện Phú Lương mới thông qua Kế hoạch; 05 tháng sau, HĐND huyện Đại Từ mới thông qua kế hoạch.

<sup>8</sup> Huyện Định Hóa

<sup>9</sup> Huyện Đồng Hỷ xác định vốn đầu tư công trung hạn bao gồm cả phí BVMT, thủy lợi phí, kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa, vốn sự nghiệp giáo dục và đào tạo; Huyện Định Hóa xác định vốn đầu tư công trung hạn bao gồm cả nguồn vốn huy động khác; thành phố Thái Nguyên xác định vốn đầu tư công trung hạn bao gồm cả nguồn vốn dự phòng ngân sách.

<sup>10</sup> Điểm a, khoản 1, Điều 27 Luật đầu tư công năm 2019 quy định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp giao cơ quan chuyên môn hoặc Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. Trong khi đó, đa số các huyện đều có tình trạng giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng lập đề xuất chủ trương đầu tư.

<sup>11</sup> Luật xây dựng quy định: “*Căn cứ điều kiện cụ thể của dự án sử dụng vốn đầu tư công, người quyết định đầu tư giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực làm chủ đầu tư. Trường hợp không có Ban quản lý dự án hoặc có Ban quản lý dự án nhưng không đủ điều kiện thực hiện thì người quyết định đầu tư giao cơ quan, tổ chức có kinh nghiệm, năng lực quản lý làm chủ đầu tư*”. Tuy nhiên, một số đơn vị cấp huyện mặc dù có Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng đủ điều kiện thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư nhưng vẫn giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư một số dự án cho cơ quan chuyên môn hoặc đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện như: Huyện Đồng Hỷ 30 dự án; thành phố Thái Nguyên 85 dự án.



khoản 7 Điều 17 Luật Đầu tư công thiếu chặt chẽ, dẫn đến tình trạng một số dự án chưa đủ điều kiện được đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn<sup>12</sup>.

**1.3. Chất lượng công tác lập, thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật của một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn hạn chế, chất lượng chưa cao:** Tính đến 30/9/2024, đã có 203 dự án đầu tư công phải điều chỉnh chủ trương đầu tư, chiếm 9,2% tổng số dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư<sup>13</sup>, đa số các dự án được điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư<sup>14</sup> làm ảnh hưởng đến khả năng cân đối và bố trí vốn thực hiện kế hoạch đầu tư công, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án; một số dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư chưa phù hợp với quy hoạch có liên quan<sup>15</sup>, chưa xác định cụ thể cơ cấu nguồn vốn<sup>16</sup> hoặc còn thiếu thủ tục theo quy định của pháp luật về đầu tư công<sup>17</sup>; một số dự án quyết định đầu tư còn có nội dung chưa phù hợp với chủ trương đầu tư<sup>18</sup>.

**1.4. Việc thực hiện pháp luật, tuân thủ pháp luật về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu của một số chủ đầu tư vẫn còn hạn chế như:** Đăng tải thông tin đấu thầu, công khai kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của một số dự án chưa đảm bảo thời gian theo quy định<sup>19</sup>; hồ sơ, thủ tục phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu chưa ghi rõ thời gian thực hiện

<sup>12</sup> HĐND thành phố Phổ Yên, huyện Định Hóa quy định việc giao nhiệm vụ quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án đã được xác định danh mục trong kế hoạch đầu tư công trung hạn. Vì vậy, sau khi Nghị quyết về kế hoạch đầu tư công trung hạn được thông qua, UBND cấp huyện mới quyết định chủ trương đầu tư từng dự án trong kế hoạch, là chưa phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công.

Khoản 2 Điều 52 xác định “Các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư” là điều kiện cần và đủ để đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn.

<sup>13</sup> 21/199 dự án do các cơ quan cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư (sau đây gọi tắt là dự án cấp tỉnh) và 182/2009 dự án do cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư (sau đây gọi tắt là dự án cấp huyện) phải điều chỉnh chủ trương đầu tư (Phủ Bình 35 dự án; Định Hóa 08 dự án; Đại Từ 17 dự án; Sông Công 31 dự án; Phú Lương 19 dự án,...).

<sup>14</sup> Trong số 21 dự án cấp tỉnh phải điều chỉnh chủ trương đầu tư, có 11 dự án điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư, với tổng số vốn tăng thêm 1.266,594 triệu đồng;

**Cấp huyện:** Tại Sông Công, chỉ thực hiện điều chỉnh 4 dự án, với tổng mức đầu tư từ 193,7 tỷ đồng lên 315,492 tỷ đồng, tăng thêm 121,792 tỷ đồng; thành phố Thái Nguyên: Dự án đường và hệ thống thoát nước khu dân cư Hồ điều hòa Xương Rồng, phường Phan Đình Phùng (điều chỉnh tổng mức đầu tư 04 lần từ 94,945 lên 159,426 tỷ đồng tăng 64,481 tỷ đồng,...);

<sup>15</sup> Dự án Tu bổ, tôn tạo di tích đền Lục Giáp xã Đắc Sơn, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch làm chủ đầu tư có 7.515,3 m<sup>2</sup> thuộc quy mô dự án đã được Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tổng hợp báo cáo Quân khu đưa vào danh mục khu đất quốc phòng trong phương án đề nghị sắp xếp lại, xử lý tài sản công, do vậy, việc đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích phải tạm dừng.

- Huyện Đồng Hỷ: Dự án Xây dựng đường nội thị khu hành chính mới huyện Đồng Hỷ (Giai đoạn 1): Đối chiếu quy hoạch chi tiết khu hành chính mới huyện Đồng Hỷ phê duyệt tại Quyết định số 3648/QĐ-UBND ngày 30/11/2018, một phần taluy tuyến đường 2 (N24-N15) nằm trong quy hoạch di tích chùa Hóa Thượng; Dự án xây dựng Trường THCS Trại Cau, huyện Đồng Hỷ một phần nằm trong quy hoạch đất văn hóa thể thao.

- Thành phố Thái Nguyên: Dự án Khu tái định cư số 4 phường Tân Thịnh, Đối chiếu Quy hoạch, 1419.6 m<sup>2</sup> đất ở chia lô của dự án theo Điều chỉnh QH chung thành phố Thái Nguyên tại Quyết định số 2486/QĐ-TTg ngày 20/12/2016, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt là đất cây xanh;

<sup>16</sup> Các huyện: Đồng Hỷ, Định Hóa, Phú Bình, Đại Từ, Phú Lương

<sup>17</sup> Huyện Đồng Hỷ, thành phố Thái Nguyên phê duyệt đầu tư dự án khẩn cấp khi chưa ban hành lệnh xây dựng công trình khẩn cấp là chưa phù hợp quy định Điều 58 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; Thành phố Thái Nguyên còn một vài dự án được quyết định đầu tư nhưng hồ sơ thể hiện chưa thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Điều 99 Luật đầu tư công năm 2019.

<sup>18</sup> Thành phố Thái Nguyên, Thành phố Phổ Yên và các huyện: Võ Nhai, Định Hóa

<sup>19</sup> **Ví dụ:** Dự án Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường tiểu học Tân Long - Khu trung tâm; Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Thịnh Đức 1 - La Dùm, xã Văn Hán; Dự án Khu dân cư Tò dân phố Nhị Hòa, các thông tin về lựa chọn nhà thầu đăng tải sau khi có Quyết định phê duyệt 20 ngày, chậm 13 ngày; Dự án Cải tạo, nâng cấp nhà khối lâm sàng + phòng mổ Trung tâm y tế TPTN, đăng tải sau 12 ngày, chậm 5 ngày so với quy định tại Điều 8 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 (quy định 7 ngày);

Dự án Sửa chữa, cải tạo Nhà làm việc 3 tầng UBND phường Đồng Bầm, được phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu sau 15 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định, chậm 10 ngày; dự án Cải tạo, sửa chữa vỉa hè tuyến đường Dương Tự Minh, đoạn từ cầu Tân Long đến đảo tròn Tân Long, kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, sau 28 ngày, chậm 23 ngày so với quy định tại Khoản 1 Điều 12 Luật Đấu thầu năm 2013.



hợp đồng theo quy định tại khoản 7 Điều 35 Luật Đấu thầu năm 2013<sup>20</sup>; phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu đối với nhà thầu chưa có đủ tư cách hợp lệ<sup>21</sup>; phê duyệt giá gói thầu không bao gồm “chi phí dự phòng trượt giá” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 62 Luật Đấu thầu năm 2013<sup>22</sup>; tỷ lệ tiết kiệm ngân sách nhà nước qua đấu thầu chưa cao, có địa phương đạt thấp (dưới 1%)<sup>23</sup>.

**1.5. Công tác quản lý và sử dụng vốn đầu tư công có lúc, có nơi còn hạn chế, một số đơn vị cấp huyện đôi khi chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan đến phân bổ, bố trí kế hoạch vốn đầu tư công:** Tỷ lệ giải ngân vốn các Chương trình mục tiêu Quốc gia, vốn ODA và một số dự án của cấp huyện còn thấp; chưa thực hiện phân bổ chi tiết hết kế hoạch vốn đầu tư công theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đầu tư công<sup>24</sup>; bố trí vốn chưa đảm bảo thứ tự ưu tiên theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của HĐND tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025, đặc biệt là đối với các dự án hoàn thành, quyết toán và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chậm thanh toán<sup>25</sup> hoặc chậm hoàn trả vốn vay, vốn tạm ứng ngân sách với số tiền xấp xỉ 178 tỷ đồng<sup>26</sup>; một số dự án còn tình trạng bố trí vốn kéo dài, chậm tiến độ so với hợp đồng thi công ký kết, phải điều chỉnh thời gian thực hiện; một số dự án chưa được HĐND tỉnh quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện theo khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công nhưng vẫn thực hiện giải ngân thanh toán; còn 43 dự án đã được HĐND tỉnh quyết định thời gian bố trí vốn, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân nhưng chưa hoàn thành đúng quy định<sup>27</sup>; còn tình trạng chủ đầu tư một số dự án

<sup>20</sup> Gói thầu của một số dự án cấp tỉnh và một số dự án của các huyện: Phú Bình, Đại Từ, Phú Lương, Định Hóa, thành phố Sông Công xác định thời gian thực hiện hợp đồng theo “Tiến độ thi công xây lắp” hoặc theo thời gian thi công của một gói thầu khác trong dự án.

<sup>21</sup> Ví dụ: Dự án nhà làm việc, nhà hội trường 250 chỗ của Sở Y tế và chi cục dân số kế hoạch hóa gia đình, chủ đầu tư - Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu thẩm định giá thiết bị đối với “Chi nhánh thẩm định giá và đấu giá Việt Bắc - Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định giá Doanh nghiệp” là đơn vị “hạch toán phụ thuộc”, chưa đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Luật Đấu thầu 2013 (Yêu cầu Nhà thầu có tư cách hợp lệ phải là đơn vị “Hạch toán tài chính độc lập”).

<sup>22</sup> Ví dụ: Gói thầu Dự án Nâng cấp tuyến đường từ ngã tư Trung tâm huyện đến Đài Tưởng Niệm huyện Định Hóa là gói thầu áp dụng hình thức hợp đồng trọn gói, nhưng giá gói thầu được phê duyệt không bao gồm “chi phí dự phòng trượt giá” dẫn đến phải điều chỉnh dự toán, điều chỉnh giá gói thầu.

<sup>23</sup> Năm 2021, tỷ lệ tiết kiệm qua đấu thầu của tỉnh đạt khoảng 1,62 %; huyện Đồng Hỷ tỷ lệ tiết kiệm qua đấu thầu các gói thầu thuộc lĩnh vực đầu tư là 1,1%; Thành phố Phổ Yên tỷ lệ tiết kiệm khoảng 0,57%

Năm 2022, tỷ lệ tiết kiệm qua đấu thầu của tỉnh đạt khoảng 2,8 %; huyện Đồng Hỷ tỷ lệ tiết kiệm qua đấu thầu các gói thầu thuộc lĩnh vực đầu tư là 1,7%; Thành phố Phổ Yên tỷ lệ tiết kiệm khoảng 0,7%

Năm 2023, tỷ lệ tiết kiệm qua đấu thầu của tỉnh đạt khoảng 2,38 %; huyện Đồng Hỷ tỷ lệ tiết kiệm qua đấu thầu các gói thầu thuộc lĩnh vực đầu tư là 0,7%; Thành phố Phổ Yên tỷ lệ tiết kiệm khoảng 1,94%

Huyện Võ Nhai: Tỷ lệ tiết kiệm qua đấu thầu giai đoạn 2021 - 2023 đạt 0,7%

<sup>24</sup> Huyện Đồng Hỷ: Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND huyện về thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 chưa phân bổ chi tiết vốn dự phòng là 1.490.582 triệu đồng; Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 29/5/2024 của HĐND huyện, chưa phân bổ chi tiết đối với phần vốn để thực hiện giải phóng mặt bằng với số tiền 455.756 triệu đồng;

- Thành phố Phổ Yên: tại Nghị quyết số 192/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 còn phần vốn dự phòng chưa phân bổ là: 454.000 triệu đồng; Nghị quyết số 154/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 còn phần vốn dự phòng chưa phân bổ là 1.573.635 triệu đồng.

<sup>25</sup> Trong giai đoạn 2021 - 2023, có 14 dự án với tổng số tiền **36.351 triệu đồng** tại các huyện Đồng Hỷ, Đại Từ, Phú Lương và thành phố Phổ Yên đã thực hiện nghiệm thu khối lượng nhưng chưa được thanh toán. Qua giám sát, tính đến ngày 30/9/2024 chỉ còn **02 dự án** với tổng số tiền **17.615 triệu đồng** (Dự án xây dựng trụ sở làm việc Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Đồng Hỷ và các công trình phụ trợ; Dự án cải tạo nâng cấp mở rộng nghĩa trang liệt sỹ thị xã Phổ Yên)

<sup>26</sup> Ban Quản lý các KCN 03 dự án, với tổng số tiền 177,673 tỷ đồng (Chi tiết tại Phụ biểu số 05 kèm theo báo cáo).

<sup>27</sup> Chi tiết tại Phụ biểu số 06 kèm theo báo cáo;



chưa hoàn thành việc thu hồi tạm ứng theo quy định tại về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước<sup>28</sup>.

**1.6.** Công tác nghiệm thu, thanh toán, quản lý chi phí đầu tư của một số dự án chưa chính xác, phải điều chỉnh giảm giá trị thanh toán qua công tác thanh tra, kiểm toán; nhiều dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chậm hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt quyết toán từ 01 tháng đến 132 tháng<sup>29</sup>; còn một số dự án chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng tổ chức kiểm tra, nghiệm thu theo quy định tại Điều 123 Luật Xây dựng năm 2014<sup>30</sup>.

**1.7.** Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư công mặc dù đã được quan tâm nhưng chưa thường xuyên, chất lượng chưa cao, còn nhiều tồn tại, hạn chế được các cơ quan Thanh tra, Kiểm toán của các Bộ, ngành Trung ương phát hiện, xử lý.

**1.8.** Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương; phối hợp giữa chủ đầu tư và nhà thầu trong việc thực hiện pháp luật về đầu tư công có lúc, có việc, có dự án còn chưa chặt chẽ, hiệu quả phối hợp chưa cao, đặc biệt là trong thực hiện nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, hoàn thiện hồ sơ giao đất; hoàn thiện thủ tục chuẩn bị đầu tư; hoàn thiện thủ tục giao tài sản chuyên dùng, tài sản đặc biệt sau đầu tư của một số dự án đầu tư công thuộc lĩnh vực quốc phòng; hoàn thiện hồ sơ trình thẩm tra quyết toán.

## **B. Nguyên nhân**

### **1. Nguyên nhân chủ quan**

- Nhận thức pháp luật về đầu tư công, đặc biệt là những quy định mới của Luật Đầu tư công năm 2019 của một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thống nhất, dẫn đến việc áp dụng pháp luật ở một số khâu, một số nội dung thiếu chính xác.

- Việc dự báo, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, thu ngân sách, nhất là thu tiền sử dụng đất chưa sát thực tế làm ảnh hưởng đến việc cân đối và phân bổ nguồn lực để thực hiện và hoàn thành kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

- Công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý và thực hiện dự án đầu tư công của một số cơ quan, địa phương cấp huyện, cấp xã có lúc, có việc còn thiếu quyết liệt, sâu sát; chưa chủ động kiểm tra, kịp thời hướng dẫn hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

<sup>28</sup> Ví dụ: Phụ lục 03 Hợp đồng thi công xây dựng của Dự án Tái định cư phục vụ các dự án trọng điểm của tỉnh trên địa bàn huyện Đại Từ, Chủ đầu tư ký kết với nhà thầu là "Tiền tạm ứng sẽ được thu hồi bằng cách giảm trừ trong các lần thanh toán. Tỷ lệ giảm trừ từng lần được tính bằng khối lượng từng lần chia cho giá trị hợp đồng nhân với số tiền đã tạm ứng" nhưng không quy định phải đảm bảo thu hồi hết khi giá trị giải ngân đạt 80% giá trị hợp đồng là chưa đúng quy định tại điểm a, khoản 5 Điều 10 Nghị định 99/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thành phố Thái Nguyên: Dự án Khu Tái định cư số 1 Cao Ngạn (giai đoạn 1), chưa thu hồi tạm ứng từ năm 2021 số tiền là 6.833 triệu đồng; Dự án xây dựng Khu tái định cư số 2 xã Sơn Cẩm với số tiền 7.000 triệu đồng,...

<sup>29</sup> Tính đến ngày 30/9/2024, toàn tỉnh có 232 dự án chậm trình phê duyệt quyết toán, trong đó có 06 dự án chậm quyết toán từ 5 năm trở lên; 13 dự án chậm từ 3 năm đến dưới 5 năm; 11 dự án chậm từ 2 năm đến dưới 3 năm; 40 dự án chậm từ 01 năm đến dưới 2 năm và 162 tháng dưới 1 năm. (Chi tiết tại Phụ biểu số 08 kèm theo báo cáo);

<sup>30</sup> Ví dụ: Dự án Tuyến đường từ Ngã 3 chùa Hương Ấp đi ngã 3 Nguyễn Hậu, xã Tiên Phong, thị xã Phả Yên; Đường giao thông nông thôn từ Đình Thành đi Bình Tiến, xã Tiên Phong; Xây dựng Nhà văn hóa xóm Thành Lập, xã Hồng Tiến; Dự án Lắp đặt hệ thống đèn trang trí tuyến đường Nguyễn Cửu và tuyến đường từ QL3 đi Khu dân cư VIF,...



- Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thực hiện quy định của pháp luật về đầu tư công có việc chưa chặt chẽ, thiếu thường xuyên. Một số địa phương chưa tích cực trong thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng của dự án; quy trình thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng còn hạn chế; công tác quản lý hiện trạng đất của UBND cấp xã còn hạn chế; hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý đất đai chưa đồng bộ, việc theo dõi, cập nhật, chỉnh lý biến động đất đai thực hiện chưa thường xuyên<sup>31</sup>.

- Một bộ phận công chức, viên chức, người lao động thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án đầu tư công, bồi thường, giải phóng mặt bằng còn hạn chế về năng lực, kinh nghiệm công tác; công tác thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công ở cấp huyện đôi khi còn chậm.

- Các Chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ODA đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn nước ngoài hằng năm còn chưa chính xác; một số dự án có dự toán, khối lượng hoàn thành giảm nhiều so với dự toán được duyệt, dẫn đến dư vốn không còn khối lượng thanh toán, phải hủy vốn.

- Một số chủ đầu tư chưa tập trung, quyết liệt trong công tác đánh giá đầu tư dự án, quản lý, giám sát tiến độ, chất lượng công trình, đôn đốc các nhà thầu thi công theo tiến độ; chậm lập hồ sơ quyết toán khi dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng; nhiều chủ đầu tư là UBND cấp xã năng lực còn yếu.

- Năng lực của một số đơn vị tư vấn, nhà thầu còn chưa đáp ứng yêu cầu do đó phải điều chỉnh, bổ sung nhiều lần bản vẽ thiết kế thi công - dự toán, ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả của dự án.

## **2. Nguyên nhân khách quan**

- Hệ thống văn bản hướng dẫn, triển khai Luật Đầu tư công năm 2019 (có hiệu lực năm 2020) và các văn bản hướng dẫn, triển khai 03 Chương trình mục tiêu quốc gia chưa đồng bộ và kịp thời, nhiều lần bổ sung, điều chỉnh. Quy định của pháp luật về đầu tư công, đất đai, khoáng sản, xây dựng, lâm nghiệp,... còn có quy định thiếu thống nhất, còn bất cập.

- Việc phân bổ, giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của Trung ương, nhất là nguồn vốn của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia còn chậm, điều chỉnh nhiều lần, ảnh hưởng đến việc giao kế hoạch vốn và bố trí vốn đối ứng thực hiện dự án.

- Do yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và các nhiệm vụ chính trị phát sinh trong kỳ kế hoạch phải bổ sung chủ trương đầu tư một số dự án, ảnh hưởng đến việc cân đối, phân bổ vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm.

<sup>31</sup> - Huyện Phú Bình: Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện chưa rà soát và thống kê được số liệu, tỷ lệ chấp hành thực hiện việc chỉnh lý biến động đất đai hoặc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

- Huyện Đại Từ: Còn 263/614 (42,83%) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện chưa thực hiện việc thu, chuyển cho Văn phòng đăng ký đất đai để chỉnh lý hoặc thu hồi theo quy định.

- Huyện Định Hóa: Còn 122/145 (84,14%) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện chưa thực hiện việc thu, chuyển cho Văn phòng đăng ký đất đai để chỉnh lý hoặc thu hồi theo quy định.



- Trong giai đoạn 2021 - 2023, đại dịch Covid-19 đã làm ảnh hưởng lớn đến tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh, nguồn lực đầu tư toàn xã hội giảm, thu ngân sách nhà nước gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là thu tiền sử dụng đất hằng năm dẫn đến việc cân đối và phân bổ nguồn lực để thực hiện, chưa đáp ứng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đề ra; đồng thời ảnh hưởng tiến độ triển khai thực hiện của các dự án (chậm hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đầu tư; thi công thực hiện dự án). Giá nguyên vật liệu tăng cao, các doanh nghiệp ký kết hợp đồng trọn gói gặp nhiều khó khăn về phương án tài chính.

- Trong giai đoạn 2021 - 2023, việc cấp phép các mỏ vật liệu xây dựng thông thường, mỏ đất san lấp để thực hiện các dự án gặp nhiều khó khăn do phải thỏa thuận trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng nên nhiều dự án bị chậm tiến độ.

- Một số dự án sử dụng vốn ODA gặp khó khăn trong thực hiện hợp đồng, đàm phán điều chỉnh hợp đồng và các nội dung liên quan đến Hiệp định với nhà thầu nước ngoài; thực hiện theo phương thức giải ngân dựa trên kết quả kiểm đếm, kiểm toán để thực hiện giải ngân kế hoạch năm, dẫn đến chậm giải ngân vốn ODA.

- Công tác đấu nối các dự án đầu tư xây dựng đường giao thông vào các tuyến đường Quốc lộ, tỉnh lộ và thủ tục cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tại một số địa phương gặp khó khăn, vướng mắc<sup>32</sup>;

- Các chế tài bắt buộc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra, kiểm toán chưa rõ, chưa đủ mạnh nên một số trường hợp chưa chấp hành triệt để.

- Một bộ phận người dân có tư tưởng “trục lợi”, đón đền bù dự án dẫn đến nhiều dự án phát sinh tăng tổng mức đầu tư, chậm tiến độ thực hiện dự án.

### **III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, ĐỀ NGHỊ**

Để nâng cao hiệu quả việc triển khai, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh, Đoàn giám sát kiến nghị, đề nghị một số nội dung sau:

#### **1. Kiến nghị, đề xuất với cơ quan Trung ương**

- Đề nghị Quốc hội, Chính phủ tiếp tục quan tâm, bố trí nguồn vốn ngân sách Trung ương đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng có tính liên kết vùng trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

<sup>32</sup> - Huyện Đại Từ:

+ Dự án Đường kết nối từ quốc lộ 37 với đường ĐT 270 - Đoạn qua tổ dân phố An Long: Vướng mắc về công tác đấu nối điểm đầu của dự án với QL 37, công tác cấp phép thi công nút giao điểm cuối tuyến).

+ Dự án Tái định cư phục vụ các dự án trọng điểm của tỉnh trên địa huyện Đại Từ, địa điểm tại xã Ký Phú, huyện Đại Từ: Vướng mắc trong công tác đấu nối và cấp phép thi công trong phạm vi bảo vệ kết cấu đường ĐT.261.

- Huyện Định Hóa: Dự án Đường giao thông liên xã Quy Kỳ - Linh Thông - Lam Vỹ - Tân Thịnh (Dự án gặp vướng mắc về công tác đấu nối điểm cuối của dự án với đường Hồ Chí Minh; số vốn phân bổ mới đạt 34% so với tổng mức đầu tư được phê duyệt).



- Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Hướng dẫn về việc đánh giá hiệu quả dự án đầu tư công bằng phương pháp phân tích lợi ích - chi phí nhằm nâng cao hiệu quả của việc thẩm định chủ trương, thẩm định phê duyệt chương trình, dự án đầu tư; sớm thông báo mức vốn đầu tư nguồn ngân sách trung ương để địa phương chủ động triển khai, đảm bảo tiến độ và chất lượng của kế hoạch đầu tư công trung hạn.

**2. Đề nghị Tỉnh ủy:** Tiếp tục tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc chấp hành quy định của pháp luật về đầu tư công, đấu thầu lựa chọn nhà thầu và công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án.

**3. Đề nghị với HĐND tỉnh:** Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác quyết định và giám sát việc thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm trên địa bàn tỉnh; xem xét, ban hành Nghị quyết về kết quả giám sát việc thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021 - 2025.

#### **4. Đề nghị UBND tỉnh**

**4.1.** Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện quy định của pháp luật về đầu tư công; tập trung thực hiện quyết liệt, đồng bộ nhiệm vụ, giải pháp của Chính phủ về thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức, giải ngân vốn đầu tư công, tạo tiền đề phát triển kinh tế - xã hội nói chung và thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn nói riêng. Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành gắn với kiểm soát quyền lực nhằm thực hiện tốt kế hoạch đầu tư công.

**4.2.** Huy động tối đa các nguồn lực đầu tư, trọng tâm là bảo đảm nguồn lực ngân sách nhà nước để bố trí kế hoạch vốn, đáp ứng nhu cầu còn lại của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025. Tăng cường công tác quản lý thu, chi, tăng chi đầu tư phát triển, phát huy vai trò của vốn đầu tư công là vốn môi thu hút các nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách.

**4.3.** Nghiên cứu, ban hành quy chế phối hợp giữa các địa phương, sở, ngành và đơn vị có liên quan trong việc rà soát, thống kê, khảo sát, thẩm định thiết kế, dự toán của dự án nhằm hạn chế tình trạng tăng tổng mức đầu tư do chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng.

**4.4.** Siết chặt kỷ luật, kỷ cương; thực hiện tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư công; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, hậu kiểm, xử lý nghiêm vi phạm; kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch.

**4.5.** Thường xuyên tổ chức tập huấn, đào tạo đội ngũ cán bộ thực hiện công tác lập kế hoạch để nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ về vai trò, tầm quan trọng, ý nghĩa của công tác lập kế hoạch cũng như cập nhật các chính sách, chế độ, phương pháp lập kế hoạch mới; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan tổng hợp lập kế hoạch, các cơ quan liên quan và các đơn vị sử dụng ngân sách để bảo đảm quá trình lập kế hoạch được thông suốt.



**4.6.** Rà soát, xây dựng các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan đến việc thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền đảm bảo kịp thời, đồng bộ, thống nhất theo chỉ đạo của Trung ương và các văn bản pháp luật có liên quan.

**4.7.** Có giải pháp và phương án giải quyết những tồn tại, hạn chế đã nêu. Trong đó, quan tâm thực hiện một số nội dung sau:

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị theo dõi, kiểm tra, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công, nhất là vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia, vốn vay ODA; bố trí đủ vốn để thực hiện các công trình dự án đã được phê duyệt đúng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên theo Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của HĐND tỉnh.

- Chỉ đạo Hội đồng thẩm định và các cơ quan có liên quan nâng cao chất lượng thẩm định, đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp với khả năng cân đối vốn; quản lý giá, điều chỉnh giá vật liệu xây dựng phổ biến trên địa bàn theo thẩm quyền, phù hợp với tình hình thực tiễn và quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo quy định của pháp luật và hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp và người dân. Tăng cường quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Chỉ đạo thực hiện nghiêm công tác quản lý đầu tư xây dựng; đấu thầu thực hiện dự án; theo dõi, giám sát chặt chẽ việc thi công, đảm bảo chất lượng công trình; kiểm soát chặt chẽ công tác lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, hạn chế tối đa các trường hợp phát sinh khối lượng làm tăng tổng mức đầu tư; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các công trình, dự án sau đầu tư; phát huy vai trò, trách nhiệm giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định của pháp luật.

- Tiếp tục cân đối, bố trí vốn đầu tư công để thực hiện 09 dự án đã được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng chưa có quyết định giao vốn.

- Ưu tiên bố trí vốn thanh toán nợ xây dựng cơ bản (nếu có), kiểm điểm trách nhiệm của cá nhân, đơn vị nếu phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản sau ngày 01/01/2015; từng bước hạn chế nợ xây dựng cơ bản kéo dài, chậm được quyết toán. Đồng thời, chỉ đạo việc hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục có liên quan để hoàn trả vốn vay, tạm ứng ngân sách.

- Chỉ đạo giải quyết dứt điểm những tồn tại, hạn chế liên quan đến việc thực hiện kế hoạch đầu tư công đã được các cơ quan Thanh tra, Kiểm toán của Trung ương, cũng như các cơ quan có thẩm quyền chỉ ra.

- Kịp thời báo cáo Bộ Quốc phòng để giải quyết những vướng mắc trong việc đưa tài sản công vào biên chế tài sản đối với một số dự án đầu tư công thuộc lĩnh vực quốc phòng, làm cơ sở phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành theo đúng quy định.

- Chỉ đạo, rà soát các dự án đã hết thời gian thực hiện và thời gian bố trí kế hoạch vốn; các dự án phải kéo dài thời gian giải ngân vốn đầu tư công trình HĐND tỉnh quyết định theo quy định tại Điều 52 và Điều 68 Luật Đầu tư công. Chỉ đạo



công khai danh sách nhà thầu vi phạm thời gian lập hồ sơ quyết toán, không để nhà thầu vi phạm quy định về thời gian lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành tham gia đấu thầu dự án, gói thầu mới theo Điều 52 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

- Chỉ đạo rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các Ban Quản lý dự án trực thuộc UBND tỉnh để có phương án bố trí, sắp xếp về tổ chức bộ máy, cán bộ theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Xác định, đề xuất các công trình, dự án đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển của Quy hoạch tỉnh, có tính lan tỏa cao, tạo không gian phát triển, tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư, đảm bảo an sinh xã hội. Chỉ đạo công tác lập, xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 đảm bảo trình tự, thủ tục; ứng dụng công nghệ thông tin, Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công ngay từ khâu lập, thẩm định, phân bổ, thông báo kế hoạch cho từng chương trình, dự án, chủ đầu tư, bảo đảm tính công khai, minh bạch trong quản lý đầu tư, phù hợp với yêu cầu xây dựng Chính phủ điện tử và Chính phủ số.

#### 4.8. Lãnh đạo, chỉ đạo UBND cấp huyện

- Thực hiện các giải pháp tăng thu ngân sách, nhất là thu tiền sử dụng đất để đảm bảo nguồn vốn thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm đã phê duyệt. Bố trí vốn cho 92 dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng chưa có quyết định giao vốn thực hiện dự án. Kịp thời trình HĐND cấp huyện điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn cho phù hợp với khả năng ngân sách. Ưu tiên bố trí kế hoạch vốn trả nợ xây dựng cơ bản, không để phát sinh nợ XDCB và nợ đọng XDCB.

- Thường xuyên rà soát, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh kế hoạch vốn đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn cũng như tiến độ triển khai thực hiện của từng chương trình, dự án. Không để tình trạng dự án được giao vốn nhưng không giải ngân được hoặc tỷ lệ giải ngân đạt thấp.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, các chủ đầu tư nâng cao trách nhiệm, chất lượng công tác tham mưu thực hiện đúng trình tự, thủ tục về đầu tư công; nâng cao chất lượng quản lý dự án theo quy định của pháp luật. Thực hiện nghiêm các quy định về đấu thầu, nâng cao hiệu quả đấu thầu, đảm bảo lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực thực hiện dự án theo tiến độ.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công, trong đó có vốn chương trình mục tiêu quốc gia. Có kế hoạch bố trí vốn để trả nợ vốn vay và hoàn tạm ứng, ứng trước kế hoạch vốn đối với các dự án ngân sách tỉnh đã cho vay, tạm ứng hoặc ứng trước kế hoạch vốn để thực hiện, nhưng đã quá hạn chưa thanh toán, hoàn ứng ngân sách tỉnh.



- Xử lý dứt điểm các vướng mắc liên quan để hoàn thành các dự án, công trình đang thi công dở dang, chậm tiến độ, nhất là các công trình kéo dài nhiều năm. Hạn chế việc phải trình HĐND tỉnh cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn, kéo dài thời gian giải ngân, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh.

- Đôn đốc chủ đầu tư và nhà thầu hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt quyết toán đúng thời hạn; rà soát, sớm giải quyết tình trạng các công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng nhiều năm nhưng chưa thực hiện quyết toán.

- Nghiên cứu, xây dựng các khu tái định cư tập trung tại các địa phương nhằm tạo sự chủ động trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng phục vụ các dự án của tỉnh, huyện.

- Chủ động đề xuất và phối hợp với các cơ quan chuyên môn của tỉnh về dự kiến các công trình, dự án phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh trong tình hình mới để làm cơ sở đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát việc thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh của Đoàn Giám sát HĐND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Các đại biểu dự kỳ họp;
- Các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giáo dục và Đào tạo; các Ban QLDA ĐTXT: giao thông, dân dụng và công nghiệp, nông nghiệp và phát triển nông thôn; Ban Quản lý các KCN; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Thành viên Đoàn giám sát;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

**TM. ĐOÀN GIÁM SÁT  
TRƯỞNG ĐOÀN**

**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC  
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH  
Đỗ Đức Công**



TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

STT	Chủ đầu tư/Địa phương	Tổng số công trình dự án kế hoạch	Số công trình phát sinh trong giai đoạn	Số công trình, dự án đã được bố trí vốn thực hiện				Số công trình đã có trong kế hoạch nhưng chưa được giao vốn	Tổng số công trình còn nợ khối lượng XD/CB	Tổng số công trình thực hiện trong giai đoạn sau	Ghi chú
				Tổng số	Số công trình đã hoàn thành quyết toán	Số công trình hoàn thành nhưng chưa quyết toán	Số công trình đang thực hiện				
	TOÀN TỈNH (I+II)	2.208	235	2.107	1.093	355	659	101	2	83	
I	Các huyện, thành phố, thị xã	2.009	229	1.917	1.035	311	571	92	2	76	
1	Ủy ban nhân dân Huyện Đại Từ	328	51	303	205	26	72	25	0	6	
2	Ủy ban nhân dân Huyện Đình Hòa	37	0	37	10	4	23	0	0	0	
3	Ủy ban nhân dân Huyện Đồng Hỷ	178	0	159	132	20	7	19	1	0	
4	Ủy ban nhân dân Huyện Phú Bình	103	31	101	25	28	48	2	0	8	



STT	Chủ đầu tư/Địa phương	Tổng số công trình dự án trong kỳ kế hoạch	Số công trình phát sinh trong giai đoạn	Tổng số	Số công trình đã hoàn thành quyết toán	Số công trình hoàn thành nhưng chưa quyết toán	Số công trình đang thực hiện	Số công trình đã có trong kế hoạch nhưng chưa được giao vốn	Tổng số công trình còn nợ khối lượng XD CB	Công trình thực hiện trong giai đoạn sau	Ghi chú
5	Ủy ban nhân dân Huyện Phú Lương	277	0	277	125	65	87	0	0	0	
6	Ủy ban nhân dân Huyện Võ Nhai	195	17	189	44	42	103	6	0	0	
7	Ủy ban nhân dân Thành phố Phố Yên	227	40	227	65	55	107	0	1	0	
8	Ủy ban nhân dân thành phố Sông Công	128	49	118	49	21	48	10	0	0	
9	Ủy ban nhân dân Thành phố Thái Nguyên	536	41	506	380	50	76	30	0	62	
II	Các Sở, Ban, Ngành	199	6	190	58	44	88	9	0	7	



KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 TỈNH THÁI NGUYÊN

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung			KẾ HOẠCH VỐN GIAI ĐOẠN 2021-2024 ĐÃ BỎ TRÍ						Tỷ lệ vốn bố trí so với Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn còn phải bố trí	Ghi chú
				Kế hoạch vốn năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024	Tổng kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2024 đã giao				
	<b>TỔNG SỐ</b>			<b>2.458.497</b>	<b>4.077.979</b>	<b>4.311.439</b>	<b>4.716.076</b>	<b>15.563.990</b>		<b>69,4%</b>	<b>6.869.618</b>	
<b>1</b>	<b>Vốn ngân sách trung ương</b>			<b>922.072</b>	<b>2.287.696</b>	<b>1.824.261</b>	<b>1.657.440</b>	<b>6.691.469</b>		<b>87,1%</b>	<b>988.718</b>	
<i>1.1</i>	Vốn trong nước (bao gồm vốn Chương trình phù hồi và phát triển KT-XH)	4.950.852	6.748.663	585.552	2.079.775	1.711.714	1.640.040	6.017.081		89,2%	731.582	
-	Vốn NSTW trong nước	4.950.852	6.473.663	585.552	2.079.775	1.471.184	1.605.570	5.742.081		88,7%	731.582	
-	Vốn Chương trình phù hồi và phát triển KT-XH		275.000			240.530	34.470	275.000		100,0%	-	
<i>1.2</i>	Vốn nước ngoài	846.126	931.524	336.520	207.921	112.546	17.400	674.388		72,4%	257.136	
<b>2</b>	<b>Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương</b>	<b>10.977.400</b>	<b>14.753.421</b>	<b>1.536.424</b>	<b>1.790.283</b>	<b>2.487.178</b>	<b>3.058.636</b>	<b>8.872.521</b>		<b>60,1%</b>	<b>5.880.900</b>	
<i>2.1</i>	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		4.555.072	1.121.150	743.852	958.791	989.561	3.813.354		83,7%	741.718	
<i>2.2</i>	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết		66.000	13.000	13.000	13.000	15.000	54.000		81,8%	12.000	
<i>2.3</i>	Nguồn vốn nước ngoài vay lại (Bội cùn ngân sách địa phương)		1.060.435	286.210	333.500	287.700	-	907.410		85,6%	153.025	
<i>2.4</i>	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất và bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất		7.828.215	116.064	656.692	982.311	1.754.075	3.509.142		44,8%	4.319.073	
<i>2.5</i>	Nguồn thu tiền thuê đất có cơ sở hạ tầng trả một lần cho thời gian 50 năm của các nhà đầu tư		1.243.700	-	43.239	245.376	300.000	588.615		47,3%	655.085	



KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 CỦA CẤP HUYỆN

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Địa phương	Số lượng dự án /chương trình	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	KẾ HOẠCH VỐN GIAI ĐOẠN 2021-2024 ĐÃ BỐ TRÍ						Tỷ lệ vốn bố trí so với Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn còn phải bố trí	Ghi chú
				Kế hoạch vốn năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024	Tổng kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2024 đã giao				
	TÔNG SỐ	2026	25.151.026,95	3.849.828,71	3.770.732,10	5.112.914,37	4.588.683,36	17.322.152,54	68,87%	7.828.874,41		
1	Thành phố Thái Nguyên	536	9.588.933,54	2.248.017,86	1.216.132,54	1.268.889,54	1.054.295,36	5.787.335	60,35%	3.801.598,2		
2	Thành phố Phú Yên	227	5.769.357	925.150	1.117.599	1.682.490	1.559.393	5.284.633	91,60%	484.724		
3	Thành phố Sông Công	139	2.370.976	234.322	469.681	426.219	573.446	1.703.667	71,86%	667.308		
4	Huyện Đại Từ	328	2.750.515	204.618	365.141	549.504	574.885	1.694.148	61,59%	1.056.367		
5	Huyện Đồng Hỷ	184	1.723.952	97.196	153.880	364.971	140.927	756.974	43,91%	966.978		
6	Huyện Định Hóa	37	820.250	37.431	119.533	346.486	168.364	671.814	81,90%	148.436		
7	Huyện Phú Bình	103	908.735	9.528	111.590	230.758	219.553	571.423	62,88%	337.312		
8	Huyện Phú Lương	277	725.928	87.474	110.555	106.455	164.011	468.495	64,5%	257.433		
9	Huyện Võ Nhai	195	492.381	6.092	106.620	137.142	133.809	383.663	77,9%	108.718		



Phụ biểu số: 04

TỔNG HỢP DANH MỤC NHỮNG DỰ ÁN CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN  
NHƯNG CHƯA CÓ QUYẾT ĐỊNH GIAO KẾ HOẠCH VỐN

TT		Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bao gồm cả điều chỉnh, bổ sung)	Chủ đầu tư
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		
TỔNG CỘNG					
A	PHẦN CỦA TỈNH		3.175.662	744.487	
I	Dự án sử dụng vốn ODA		921.178	71.245	
1	Phát triển CSHT thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc, tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 03/4/2024	921.178	71.245	Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT
II	Nguồn ngân sách địa phương (vốn xây dựng cơ bản tập trung)		615.992	106.042	
2	Xây dựng 46 trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 27/6/2024	352.457	30.000	Công an tỉnh
3	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 06/9/2024	69.112	55.345	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh
4	Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 06/9/2024	194.423	20.697	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên



TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bao gồm cả điều chỉnh, bổ sung)	Chủ đầu tư
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		
III	Nguồn thu tiền sử dụng đất và sắp xếp nhà đất trên địa bàn tỉnh		1.638.492	567.200	
5	Xây dựng cơ sở vật chất, huấn luyện và thi đấu môn đua thuyền	Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	99.662	99.662	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh
6	Đầu tư xây dựng tuyến đường gom bên trái cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên, đoạn từ nút giao Sông Công đến nút giao Tân Lập	Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	863.120	52.828	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Thái Nguyên
7	Dự án Nhà Trung tâm sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình của Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	Nghị quyết số 192/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	214.710	214.710	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh
8	Xây dựng Sân vận động huyện Đại Từ (giai đoạn 1)	Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	111.000	50.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đại Từ
9	Xây dựng Cầu An Long và Đường kết nối tỉnh lộ ĐT.270 với tỉnh lộ ĐT.261 huyện Đại Từ	Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	350.000	150.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đại Từ
B	PHẦN CẤP HUYỆN		1.686.912	581.182	
I	Thành phố Thái Nguyên		343.665	209.828	
1	Xây dựng khối nhà 3 tầng 9 phòng học, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Độc Lập, thành phố Thái Nguyên	Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	10.500	10.500	
2	Xây dựng khối nhà 3 tầng phòng học, phòng chức năng, phòng hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Tích Lương 2, thành phố Thái Nguyên	Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	9.599	9.599	



TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bao gồm cả điều chỉnh, bổ sung)	Chủ đầu tư
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		
3	Xây dựng khối nhà 3 tầng 9 phòng học, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Sơn Cẩm 3, thành phố Thái Nguyên	Nghị quyết số 107 NQ-HĐND ngày 16/12/2021	11.069	11.069	
4	Xây dựng khối nhà 2 tầng 8 phòng học, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu Học số 2 Linh Sơn, thành phố Thái Nguyên	Nghị quyết số 107 NQ-HĐND ngày 16/12/2021	8.360	5.852	
5	Xây dựng khối nhà 3 tầng 9 phòng học, phòng hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường Mầm non Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên	Nghị quyết số 107 NQ-HĐND ngày 16/12/2021	10.753	7.527	
6	Xây dựng khối nhà 3 tầng 12 phòng học, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Tân Cương, thành phố Thái Nguyên	Nghị quyết số 107 NQ-HĐND ngày 16/12/2021	12.506	8.754	
7	Khởi nhà 3 tầng 6 phòng học và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	Nghị quyết số 107 NQ-HĐND ngày 16/12/2021	6.360	2.226	
8	Cải tạo, sửa chữa dãy nhà 2 tầng 10 phòng học, xây mới khối nhà 3 tầng phòng học, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên	Nghị quyết số 107 NQ-HĐND ngày 16/12/2021	14.969	5.239	
9	Xây dựng khối nhà 3 tầng hiệu bộ, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Tân Thành 1, thành phố Thái Nguyên	Nghị quyết số 107 NQ-HĐND ngày 16/12/2021	10.580	3.703	
10	Xây dựng khối nhà 2 tầng, phòng học, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ Trường tiểu học Huống Thượng, thành phố Thái Nguyên	Nghị quyết số 107 NQ-HĐND ngày 16/12/2021	9.820	3.437	
11	Cải tạo, chỉnh trang tuyến đường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên (đoạn từ Đài tưởng niệm đến cây xăng)	Nghị quyết số 107 NQ-HĐND ngày 16/12/2021	3.240	2.268	
12	Đầu tư hệ thống đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin viễn thông (hệ thống truyền thanh thông minh) trên địa bàn thành phố Thái Nguyên	Nghị quyết số 107 NQ-HĐND ngày 16/12/2021	17.888	12.522	
13	Xây dựng khối nhà làm việc, nhà lớp học và các công trình phụ trợ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên thành phố Thái Nguyên	Nghị quyết số 107 NQ-HĐND ngày 16/12/2021	25.406	25.406	
14	Xây dựng trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên	Nghị quyết số 107 NQ-HĐND ngày 16/12/2021	22.642	22.642	
15	Xây dựng trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên	Nghị quyết số 107 NQ-HĐND ngày 16/12/2021	19.640	19.640	
16	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc và các công trình phụ trợ trụ sở Trung tâm Văn hoá truyền thông thành phố Thái Nguyên	Nghị quyết số 107 NQ-HĐND ngày 16/12/2021	2.200	2.200	



TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bao gồm cả điều chỉnh, bổ sung)	Chủ đầu tư
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		
17	Xây dựng đường vào, ra khu căn cứ chiến đấu 02	Nghị quyết số 107 NQ-HĐND ngày 16/12/2021	4.993	1.260	
18	Cấm mốc giới khu căn cứ chiến đấu 01, 02 và mốc giới trận địa phòng không	Nghị quyết số 107 NQ-HĐND ngày 16/12/2021	1.500	1.050	
19	Xây dựng trạm xử lý nước thải tại Khu dân cư số 10 phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên	Nghị quyết số 107 NQ-HĐND ngày 16/12/2021	7.392	2.587	
20	Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải khu dân cư tổ 13, 14 phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên	Nghị quyết số 107 NQ-HĐND ngày 16/12/2021	7.387	2.585	
21	Xây dựng trạm xử lý nước thải khu dân cư số 3, xã Huống Thượng, thành phố Thái Nguyên	Nghị quyết số 107 NQ-HĐND ngày 16/12/2021	16.392	5.737	
22	Xây dựng trạm xử lý nước thải khu dân cư tổ dân phố Nhị Hoà, phường Đồng Bẩm, thành phố Thái Nguyên	Nghị quyết số 107 NQ-HĐND ngày 16/12/2021	19.254	6.739	
23	Xây dựng trạm xử lý nước thải khu dân cư số 2 Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	Nghị quyết số 107 NQ-HĐND ngày 16/12/2021	14.538	5.088	
24	Xây dựng trạm xử lý nước thải khu dân cư Quyết Thắng - Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên	Nghị quyết số 107 NQ-HĐND ngày 16/12/2021	11.158	3.905	
25	Xây dựng trạm xử lý nước thải phục vụ các dự án thuộc đồ án quy hoạch chi tiết Khu dân cư phường Tân Lập - Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên	Nghị quyết số 107 NQ-HĐND ngày 16/12/2021	40.695	13.473	
26	Xây dựng khối nhà 2 tầng 6 phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ trạm y tế xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên	Nghị quyết số 107 NQ-HĐND ngày 16/12/2021	4.500	4.500	
27	Xây dựng khối nhà 2 tầng 8 phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ trạm y tế phường Tân Long, thành phố Thái Nguyên	Nghị quyết số 107 NQ-HĐND ngày 16/12/2021	4.577	3.204	
28	Xây dựng khối nhà 2 tầng 8 phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ trạm y tế xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên	Nghị quyết số 107 NQ-HĐND ngày 16/12/2021	4.578	3.205	
29	Xây dựng khối nhà 2 tầng 8 phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ trạm y tế phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên	Nghị quyết số 107 NQ-HĐND ngày 16/12/2021	6.169	2.159	
30	Xây dựng Khối nhà 2 tầng 8 phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ trạm y tế phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên	Nghị quyết số 107 NQ-HĐND ngày 16/12/2021	5.000	1.750	



TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bao gồm cả điều chỉnh, bổ sung)	Chủ đầu tư
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		
II	<b>Huyện Đại Từ</b>		<b>369.904</b>	<b>167.802</b>	
1	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở UBND xã Yên Lãng thành trụ sở Công an xã Yên Lãng	2998/UBND-TCKH ngày 05/7/2022	2.429	2.429	Ban quản lý dự án DTXD huyện
2	Cải tạo sửa chữa Nhà lớp học trường THCS An Khánh thành Trụ sở công an xã An Khánh	2998/UBND-TCKH ngày 05/7/2022	1.188	1.188	Ban quản lý dự án DTXD huyện
3	Cải tạo sửa chữa Trạm y tế thị trấn Đại Từ cũ thành Trụ sở công an thị trấn Hùng Sơn	2998/UBND-TCKH ngày 05/7/2022	174	174	Ban quản lý dự án DTXD huyện
4	Trường Mầm non Đức Lương hạng mục nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	1166/QĐ-UBND ngày 22/03/2023	11.500	11.500	Ban quản lý dự án DTXD huyện
5	Trường THCS Cù Vân, hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng	8850/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	9.500	9.500	Ban quản lý dự án DTXD huyện
6	MN Phúc Lương, hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng. Sửa chữa nâng cấp sân, khuôn viên	8861/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	10.500	10.500	Ban quản lý dự án DTXD huyện
7	MN Ký Phú hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng	8861/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	12.000	12.000	Ban quản lý dự án DTXD huyện
8	THCS Bình Thuận hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng, tường rào	8861/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	10.500	10.500	Ban quản lý dự án DTXD huyện
9	THCS Mỹ Yên hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng12 phòng	8861/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	10.300	10.300	Ban quản lý dự án DTXD huyện
10	TH Minh Tiến hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	8861/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	7.000	7.000	Ban quản lý dự án DTXD huyện
11	Sân thể thao trường tiểu học và THCS Bình Thuận		1.200	1.200	UBND xã Bình Thuận
12	Mở rộng khuôn viên điểm đi tích nơi ra đời đội thanh niên xung phong Việt Nam (15/7/1950)	Số 3182/QĐ-UBND ngày 03/7/2023	8.433	12	Ban quản lý dự án DTXD huyện
13	Khu xử lý rác thải số 1 huyện Đại Từ, hạng mục: Hố chôn lấp số 3 và các hạng mục phụ trợ	8850/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	14.988	14.988	Ban quản lý DTXD huyện



TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bao gồm cả điều chỉnh, bổ sung)	Chủ đầu tư
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		
14	Xây dựng sân thể thao xã Phú Xuyên		6.172	6.172	UBND xã Phú Xuyên
15	Các hạng mục phụ trợ sân thể thao xã Tân Thái		1.500	1.500	UBND xã Tân Thái
16	Đường Nguyễn Huệ xã Yên Lãng huyện Đại Từ	Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 10/5/2022	80.000	50	Ban quản lý DTXD huyện
17	Xây rãnh dọc, lát vỉa hè QL 37 đoạn từ Cầu Suối Long đến Nhà văn hoá TNG xã Tiên Hội		5.000	5.000	Ban quản lý DTXD huyện
18	Xây dựng tuyến đường kiểu mẫu phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu		3.905	3.905	UBND xã Phú Cường
19	Xây mới Cầu tràn xóm Lưu Quang 1 xã Minh Tiến		1.000	1.000	Ban quản lý dự án DTXD huyện
20	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Hoàng Nông - La Bằng huyện Đại Từ		24.700	24.700	Ban quản lý dự án DTXD huyện
21	Mở rộng khuôn viên UBND xã Cát Nê (Lần 1) bao gồm san lấp mặt bằng		2.999	2.999	UBND xã Cát Nê
22	Mở rộng xây dựng trụ sở UBND xã Văn Yên	số 6257/QĐ-UBND ngày 24/10/2023	8.700	8.700	Ban quản lý dự án DTXD huyện
23	Trụ sở UBND xã Phú Thịnh và các hạng mục phụ trợ		22.385	22.385	Ban quản lý DTXD huyện
24	Xây dựng hạ tầng khu dân cư xã Phú Thịnh, huyện Đại Từ		74.616	50	Ban quản lý DTXD huyện
25	Khu đô thị số 1 An Long, thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ (Khu lẻ dân cư TDP An Long)		39.215	50	Ban quản lý dự án DTXD huyện
III	Huyện Đồng Hỷ		127.073	127.073	
1	Xây dựng, nâng cấp cải tạo trụ sở làm việc UBND thị trấn Sông Cầu	NQ số 72/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	7.700	7.700	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bao gồm cả điều chỉnh, bổ sung)	Chủ đầu tư
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		
2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở công an xã Nam Hòa	NQ 04/NQ-HDND ngày 17/5/2022	2.000	2.000	
3	Xây dựng trụ sở công an xã Khe Mo	NQ 04/NQ-HDND ngày 17/5/2022	6.500	6.500	
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ tổ 5 thị trấn Sông Cầu đi xã Khe Mo	NQ số 71/NQ-HDND ngày 16/12/2021	5.000	5.000	
5	Xây dựng đường giao thông liên xã từ tổ 6 thị trấn Sông Cầu đi xã Khe Mo	NQ số 71/NQ-HDND ngày 16/12/2021	2.300	2.300	
6	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường liên xã Hóa Thượng - Minh Lập (Đoạn từ ngã ba đường ĐT.273 giao với QL.1B đến công Tiều đoàn 31)	NQ 05/NQ-HDND ngày 17/5/2022	15.000	15.000	
7	Nhà lớp học 6 phòng, công hàng rào trường mầm non Văn Hân	NQ số 73/NQ-HDND ngày 16/12/2021	7.470	7.470	
8	Nhà hiệu bộ, nhà bếp và các phòng chức năng trường MN Quang Sơn	NQ số 73/NQ-HDND ngày 16/12/2021	3.900	3.900	
9	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường MN Hóa Trung	NQ số 73/NQ-HDND ngày 16/12/2021	7.360	7.360	
10	Nhà hiệu bộ và các phòng chức năng trường MN Sông Cầu	NQ số 73/NQ-HDND ngày 16/12/2021	3.200	3.200	
11	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường tiểu học số 2 Nam hòa	NQ số 73/NQ-HDND ngày 16/12/2021	6.400	6.400	
12	Nhà hiệu bộ và các phòng chức năng trường tiểu học số 2 Nam Hòa	NQ số 73/NQ-HDND ngày 16/12/2021	4.500	4.500	
13	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường THCS Tân Lợi	NQ số 73/NQ-HDND ngày 16/12/2021	4.800	4.800	
14	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường MN Quang Sơn	NQ số 73/NQ-HDND ngày 16/12/2021	9.430	9.430	
15	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng trường mầm non Trại Cau	NQ số 73/NQ-HDND ngày 16/12/2021	11.553	11.553	



TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bao gồm cả điều chỉnh, bổ sung)	Chủ đầu tư
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		
16	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường mầm non số 1 Minh Lập	NQ số 73/NQ-HBND ngày 16/12/2021	11.560	11.560	
17	Nhà hiệu bộ, nhà bếp và các phòng chức năng trường mầm non số 1 Minh Lập	NQ số 73/NQ-HBND ngày 16/12/2021	6.200	6.200	
18	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường mầm non số 2 Minh lập - điểm trung tâm	NQ số 73/NQ-HBND ngày 16/12/2021	7.200	7.200	
19	Nhà hiệu bộ và các phòng chức năng, sân cồng và các công trình phụ trợ trường mầm non Nam Hòa	NQ số 73/NQ-HBND ngày 16/12/2021	5.000	5.000	
IV	<b>Huyện Võ Nhai</b>		<b>5.268</b>	<b>5.268</b>	
1	Trạm chuyên tiếp phát thanh xã Thượng Nung		1.500	1.500	
2	Sửa chữa nâng cấp cầu treo xóm Hạ Sơn Tây, xã Thần Sa		700	700	
3	Đường bê tông xóm Đồng Bài, xã Trảng Xá		1.180	1.180	
4	Nâng cấp tuyến đường nhánh cánh đồng Gốc Thi, xóm Đồng Bài		200	200	
5	Nhà văn hóa xóm Thượng Lương, Nghinh Tường		500	500	
6	Nâng cấp sửa chữa công trình cấp nước tập trung xóm Khuân Nang xã Liên Minh		1.188	1.188	
V	<b>Huyện Phú Bình</b>		<b>5.500</b>	<b>5.500</b>	
1	Điểm dân cư trung tâm xã Bàn Đạt	Nghị quyết 05/NQ-HBND ngày 06/4/2023	3.000	3.000	
2	Điểm dân cư trung tâm xã Thanh Ninh	Nghị quyết 05/NQ-HBND ngày 06/4/2023	2.500	2.500	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Bao gồm cả điều chỉnh, bổ sung)	Chủ đầu tư
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		
VI	Thành phố Sông Công		835.502	65.712	
1	Quy hoạch chi tiết Khu đô thị số 1, phường Bách Quang, thành phố Sông Công	465 - 22/3/2024	1.262	1.262	
2	Trụ sở công an xã Tân Quang	NQ 107- 21/12/2021; NQ 09 - 19/5/2023	8.000	8.000	
3	Trụ sở công an xã Bình Sơn	NQ108-21/12/2021	7.000	7.000	
4	Cải tạo, nâng cấp Hội trường và Nhà một cửa xã Bình Sơn	NQ 07-13/3/2024	3.550	3.550	
5	Khu dân cư số 5, phường Lương Sơn, thành phố Sông Công	NQ82-19/10/2021; NQ 46-12/12/2023	139.000	500	Đã giảm kế hoạch vốn, đang trình dùng chủ trương đầu tư
6	Khu đô thị TDP Nguyễn Gon	NQ 34 - 15/7/2022; NQ 10-13/3/2024	175.600	2.600	
7	Khu dân cư và khu tái định cư số 5 Bá Xuyên, thành phố Sông Công	NQ 06-13/3/2024; NQ 60-08/10/2024	29.748	8.800	
8	Trung tâm công thành phố Sông Công	NQ43-ngày 22/12/2020	13.342	-	Đã giảm kế hoạch vốn, đang trình dùng chủ trương đầu tư
9	Công viên thành phố Sông Công	NQ 90- 19/10/2021; NQ06- 24/01/2022	220.000	2.000	
10	Đường Trần Phú (đoạn từ đường CMT 8 đi đường Trần Hưng Đạo)	NQ30-15/7/2022; 32 - 12/10/2023	238.000	32.000	



TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH THỰC HIỆN TỪ NGUỒN VỐN VAY, TẠM ỨNG, ỨNG TRƯỚC KẾ HOẠCH CHƯA HOÀN ỨNG

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Chủ đầu tư /Tên dự án	Thời gian vay, tạm ứng, ứng trước KH (Tháng, năm)	Số tiền			Số đã thực hiện hoàn ứng, trả nợ vay	Thời gian thực hiện hoàn ứng, trả nợ vay (Tháng, năm)	Số còn nợ	Ghi chú
			Số vay ngân sách; vay nguồn tạm thời nhân dối Kho bạc	Số tạm ứng ngân sách	Số ứng trước kế hoạch VDT				
	Tổng số		217.188	90.000	0	112.328		194.861	
I	Ban quản lý các KCN		200.000	90.000	-	112.328		177.673	
1	XD hạ tầng kỹ thuật khu TPĐC phục vụ GPMB KCN Sông Công II		60	16.915		3.439	2023	13.536	
2	Đường 36m nối Khu công nghiệp Sông Công II với QL.3 cũ và nút giao Sông Công		9.770	62.287		62.287	2022, 2023	9.770	
3	Dự án Xây dựng khu công nghiệp Sông Công II - diện tích 250ha		190.170	10.798		46.602	2023	154.367	

ST T	Chủ đầu tư /Tên dự án	Thời gian vay, tạm ứng, ứng trước KH ( <i>Tháng, năm</i> )	Số tiền			Số đã thực hiện hoàn ứng, trả nợ vay	Thời gian thực hiện hoàn ứng, trả nợ vay ( <i>Tháng, năm</i> )	Số còn nợ	Ghi chú
			Số vay ngân sách; vay nguồn tạm thời nhân dối Kho bạc	Số tạm ứng ngân sách	Số ứng trước kế hoạch VDT				
II	Thành phố Thái Nguyên		17.188	-	-	-		17.188	
1	Mở rộng Khu dân cư số 1 đường Việt Bắc	Tháng 11,12/2023	3.627				31/12/2024	3.627	Vay quỹ phát triển đất tỉnh
2	Khu dân cư số 2 đường Việt Bắc phường Tân Lập	Tháng 11,12/2023	8.374				31/12/2024	8.374	
3	Khu dân cư số 3 đường Việt Bắc	Tháng 11,12/2023	1.030				31/12/2024	1.030	
4	Khu tái định cư số 4 phường Tân Lập;	Tháng 11/2023	4.157				31/12/2024	4.157	



TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC HĐND TỈNH THÔNG QUA THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 52 LƯẬT ĐẦU TƯ CÔNG NHƯNG ĐẾN NAY CHƯA THỰC HIỆN

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/ Chương trình	Chủ đầu tư	Nhóm dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Tổng số kế hoạch vốn đã bố trí các năm		Quyết định thời gian bố trí vốn lần 1 (Tài NQ số 139 của HĐND tỉnh)		Quyết định thời gian bố trí vốn lần 2 (Tài NQ số 208 của HĐND tỉnh)		Kết quả thực hiện			Nguyên nhân/ Lý do
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương	Thời gian KC-HT	Số năm bố trí vốn	Tổng số vốn được bố trí	Số vốn còn lại được cho phép bố trí	Thời gian bố trí vốn đến năm	Số vốn còn lại được cho phép bố trí	Thời gian bố trí vốn đến năm	Số vốn đã bố trí	Số vốn còn phải bố trí	Thời gian bố trí vốn	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I Thành phố Phổ Yên																	
1	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường mầm non Nam Tiến	BQL dự án DT XD TP Phổ Yên	C	7434b-27/10/2016	6.411,2	6.411,2		2	579,6	1.038,3	2022-2023			579,576	459		
2	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường tiểu học Hồng Tiến 1	BQL dự án DT XD TP Phổ Yên	C	1191 - 16/3/2018	4.877,8	4.877,8		1	241,6	504,7	2022-2023			241,6	263		
3	Hệ thống chiếu sáng đô thị đường Trần Khánh Dư (đường QL3 - cầu Bến Ván)	BQL dự án DT XD TP Phổ Yên	C	7575b-31/10/2016	1.017,3	1.017,3		2	307,9	47,2	2022-2023			307,9	-261		
4	Lát vỉa hè tuyến quốc lộ 3 cũ đoạn từ Km44+150 đến Km46+150	BQL dự án DT XD TP Phổ Yên	C	7377b-05/8/2014	3.615,4	3.615,4		1	95,5	114,9	2022-2023			95,542	19		
5	Xây dựng nhà bảo vệ, xử lý chất thải bãi rác Đồng Hầm, xã Minh Đức	BQL dự án DT XD TP Phổ Yên	C	7503 - 08/8/2014	2.635,7	2.635,7		1	0,0	139,5	2022-2023			0	139		
6	Các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Hồng Tiến I	BOL dự án DT XD TP Phổ Yên	C	5706 - 31/10/2018	1.066,8	1.066,8		1	200,0	205,1	2022-2023			199,9579	5		
7	Các hạng mục phụ trợ Trường Mĩn Vạn Phái	BOL dự án DT XD TP Phổ Yên	C	5859 - 31/10/2019	4.041,4	4.041,4		2	562,7	552,5	2022-2023			562,696	-10		Sau NQ 139 bổ sung thêm 10 tr theo giá trị quyết toán

TT	Danh mục dự án/ Chương trình	Chủ đầu tư	Nhóm dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán					Tổng số kế hoạch vốn đã bố trí các năm		Quyết định thời gian bố trí vốn lần 1 (Tài NQ số 139 của HĐND tỉnh)		Quyết định thời gian bố trí vốn lần 2 (Tài NQ số 208 của HĐND tỉnh)		Kết quả thực hiện			Nguyên nhân/ Lý do
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương	Thời gian KC-HT	Số năm bố trí vốn	Tổng số vốn được bố trí	Số vốn còn lại được cho phép bố trí	Thời gian bố trí vốn đến năm	Số vốn còn lại được cho phép bố trí vốn đến năm	Số vốn đã bố trí	Số vốn còn phải bố trí	Thời gian bố trí vốn			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
8	Đường điện chiếu sáng khu vực trung tâm xã Vạn Phái	BQL dự án ĐT XD TP Phò Yên	C	5583 - 30/10/2018	588,8	588,8		2	411,5	424,1	2022-2023			411,5074	13			
9	Thoát nước mưa khu vực Nam Phò Yên	BQL dự án ĐT XD TP Phò Yên	C	2263 - 13/10/2010	17.422,0	17.422,0		1	0,0	139,7	2022-2023			0	140			
10	Đường trục xã tuyến đường Trần Quang Khai	BQL dự án ĐT XD TP Phò Yên	C	9377 - 30/12/2016	10.839,8	10.839,8		1	2.158,7	3.474,9	2022-2023			2158,7	1.316			
11	Cải tạo nâng cấp mở rộng nghĩa trang liệt sỹ thị xã Phò Yên	BQL dự án ĐT XD TP Phò Yên	C	7313 - 13/10/2017	27.256,0	27.256,0		1	0,0	4.970,3	2022-2023			0	4.970		Số vốn còn lại thuộc nguồn vốn NSTW	
12	Nâng cấp, cải tạo công Chéo xã Đông Cao, thị xã Phò yên	BQL dự án ĐT XD TP Phò Yên	C	7775 - 28/12/2018	3.110,0	3.110,0		1	630,0	1.101,1	2022-2023			630	471			
13	Nâng cấp, cải tạo cầu Đồi Cao xã Tân Hương, thị xã Phò Yên	BQL dự án ĐT XD TP Phò Yên	C	7774 - 28/12/2018	4.000,0	4.000,0		1	1.451,7	1.797,9	2022-2023			1451,7	346			
14	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ đường ĐT.261 đi Đèo Nhôn	BQL dự án ĐT XD TP Phò Yên	C	5581 - 30/10/2018	10.964,1	10.964,1		1	3.922,5	4.437,2	2022-2023			3.922,5	515			



TT	Danh mục dự án/ Chương trình	Chủ đầu tư	Nhóm dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Tổng số kế hoạch vốn đã bố trí các năm		Quyết định thời gian bố trí vốn lần 1 (Tài NQ số 139 của HĐND tỉnh)		Quyết định thời gian bố trí vốn lần 2 (Tài NQ số 208 của HĐND tỉnh)		Kết quả thực hiện			Nguyên nhân/ Lý do
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương	Thời gian KC-HT	Số năm bố trí vốn	Tổng số vốn được bố trí	Số vốn còn lại được cho phép bố trí	Thời gian bố trí vốn đến năm	Số vốn còn lại được cho phép bố trí	Thời gian bố trí vốn đến năm	Số vốn đã bố trí	Số vốn còn phải bố trí	Thời gian bố trí vốn	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
15	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Long Thành đi Hồ Suối lạnh xã Thành Công	BQL dự án ĐT XD TP Phò Yên	C	5928 - 31/10/2019	14.531,3	14.531,3		1	11.942,1	12.578,2	2022-2023			11.942,1	636		
16	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Việt Hàn, thị xã Phò Yên, tỉnh Thái Nguyên	BQL dự án ĐT XD TP Phò Yên	C	6868 - 28/12/2018	593,4	593,4		1	0,0	203,4				0	203		
17	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị xanh Phò Yên	BQL dự án ĐT XD TP Phò Yên	C	3976 - 25/7/2019	1.006,8	1.006,8		1	160,6	346,8				160,6	186		
18	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Sơn Duyệt	BQL dự án ĐT XD TP Phò Yên	C	3864 - 17/7/2019	536,5	536,5		1	0,0	106,4				0	106		
19	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị City Home xã Tân Hương	BQL dự án ĐT XD TP Phò Yên	C	1929 - 13/4/2020	2.200,8	2.200,8		1	391,1	1.300,8				391,119	910		
20	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư An Sinh Phú I	BQL dự án ĐT XD TP Phò Yên	C	5258 - 21/8/2020	930,6	930,6		1	155,7	430,6				155,671	275		

TT	Danh mục dự án/ Chương trình	Chủ đầu tư	Nhóm dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Tổng số kế hoạch vốn đã bố trí các năm		Quyết định thời gian bố trí vốn lần 1 (Tài NQ số 139 của HĐND tỉnh)		Quyết định thời gian bố trí vốn lần 2 (Tài NQ số HDND tỉnh)		Kết quả thực hiện			Nguyên nhân/ Lý do
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương	Thời gian KC - HT	Số năm bố trí vốn	Tổng số vốn được bố trí	Số vốn còn lại được cho phép bố trí	Thời gian bố trí vốn đến năm	Số vốn còn lại được cho phép bố trí	Thời gian bố trí vốn đến năm	Số vốn đã bố trí	Số vốn còn phải bố trí	Thời gian bố trí vốn	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
II Huyện Võ Nhai																	
1	Đường Trảng Xá - Phương Giao, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên nối huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	B	2989 ngày 30/10/2015	170.000,0	14.538,0	2016-2023	3	12.673,0	18.173,0	2023			12.673,0	450,0	2023	
III Thành phố Thái Nguyên																	
1	Xây dựng hệ thống thoát nước địa hình cho khu dân cư hiện có bên phải tuyến đường Bắc Sơn kéo dài (đoạn từ xóm Cây Xanh, xã Quyết Thắng đến xóm Cao Trãng, xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố	C	Quyết định số 9132/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 12647/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	20.363	20.363	2020-2024	5	10.684			6.973	2024	2.284	4.689	2024	Dự án vướng mặt bằng
2	Xây dựng hệ thống thoát nước địa hình cho khu dân cư hiện có bên trái tuyến đường Bắc Sơn kéo dài (đoạn từ xóm Cây Xanh, xã Quyết Thắng đến xóm Cao Trãng, xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố	C	Quyết định số 7338/QĐ-UBND ngày 17/8/2020; 12650/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	14.925	14.925	2020-2024	4	10.236			6.974	2025	2.285	4.689	2025	Dự án vướng mặt bằng
3	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài thuộc địa phận phường Quang Trung, Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố	B	UBND; 24/8/2017; 13553/QĐ-UBND; 20/12/2021	338.399	338.399	2017-2024	7	292.324			54.075	2025	8.000	46.075	2025	Dự án vướng mặt bằng
4	Xây dựng hạ tầng khu dân cư tổ 11A phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố	B	Quyết định số 17335/QĐ-UBND; 31/10/2016; 12600/QĐ-UBND.	122.197	122.197	2017-2024	7	85.202			39.995	2025	3.000	36.995	2025	Dự án vướng mặt bằng



TT	Danh mục dự án/ Chương trình	Chủ đầu tư	Nhóm dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Tổng số kế hoạch vốn đã bố trí các năm		Quyết định thời gian bố trí vốn lần 1 (Tài NG số 139 của HĐND tỉnh)		Quyết định thời gian bố trí vốn lần 2 (Tài NG số 208 của HĐND tỉnh)		Kết quả thực hiện			Nguyên nhân/ Lý do
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương	Thời gian KC - HT	Số năm bố trí	Tổng số vốn được bố trí	Số vốn còn lại được cho phép bố trí	Thời gian bố trí vốn đến năm	Số vốn còn lại được cho phép bố trí	Thời gian bố trí vốn đến năm	Số vốn đã bố trí	Số vốn còn phải bố trí	Thời gian bố trí vốn	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
5	Xây dựng hạ tầng khu dân cư tổ 1/B phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố	B	Quyết định số 17334/QĐ-UBND; 31/10/2016; 12600/QĐ-UBND; Quyết định số	138.500	138.500	2017-2024	7	98.588			51.280	2025	11.368	39.912	2025	Dự án vướng mặt bằng
6	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Thanh Niên Xung Phong và xây dựng hạ tầng khu dân cư hai bên đường	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố	B	17409/QĐ-UBND; 31/10/2016; Quyết định số 8140/QĐ-UBND; Quyết định số 5025/QĐ-UBND; 29/6/2018; 12536/QĐ-UBND ngày 26/11/2021;	367.448	367.448	2017-2024	7	225.738			286.431	2025	144.721	141.710	2025	Dự án vướng mặt bằng
7	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (đoạn từ đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên đến xóm Cây Xanh, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên) bên phải tuyến	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố	B	Quyết định số 5024/QĐ-UBND; 29/6/2018; 12536/QĐ-UBND ngày 26/11/2021;	368.997	368.997	2017 - 2024	6	299.062			79.932	2025	9.997	69.935	2025	Dự án vướng mặt bằng
8	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (đoạn từ đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên đến xóm Cây Xanh, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên) bên trái tuyến	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố	B	Quyết định số 5024/QĐ-UBND; 29/6/2018; 12537/QĐ-UBND ngày 26/11/2021;	433.682	433.682	2017-2024	6	306.081			147.122	2025	19.521	127.601	2025	Dự án vướng mặt bằng
9	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (đoạn từ xóm Cây Xanh, xã Quyết Thắng đến xóm Cao Tráng, xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên) bên trái tuyến	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố	B	số 5023/QĐ-UBND; 29/6/2018; 12649/QĐ-UBND; 31/12/2022	391.997	391.997	2017-2024	6	168.301			234.148	2025	10.452	223.696	2025	Dự án vướng mặt bằng
10	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (đoạn từ xóm Cây Xanh, xã Quyết Thắng đến xóm Cao Tráng, xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên) bên phải tuyến	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố	B	Quyết định số 5026/QĐ-UBND; 29/6/2018; 12648/QĐ-UBND; 31/12/2022	341.481	341.481	2017-2024	6	126.949			220.462	2025	5.930	214.532	2025	Dự án vướng mặt bằng

TT	Danh mục dự án/ Chương trình	Chủ đầu tư	Nhóm dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Tổng số kế hoạch vốn đã bố trí các năm		Quyết định thời gian bố trí vốn lần 1 (Tài NQ số 139 của HĐND tỉnh)		Quyết định thời gian bố trí vốn lần 2 (Tài NQ số HĐND tỉnh)		Kết quả thực hiện			Nguyên nhân/ Lý do
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương	Thời gian KC - HT	Số năm bố trí	Tổng số vốn được bố trí	Số vốn còn lại được cho phép bố trí	Thời gian bố trí vốn đến năm	Số vốn còn lại được cho phép bố trí	Thời gian bố trí vốn đến năm	Số vốn đã bố trí	Số vốn còn phải bố trí	Thời gian bố trí vốn	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
11	Khu dân cư số 1, đường Việt Bắc, phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố	B	Quyết định số 11685/QĐ-UBND; 31/10/2017; 12581/QĐ-UBND ngày Quyết định số 9287/QĐ-UBND ngày 30/9/2017; 12637/QĐ-UBND; 31/12/2022	393.114	393.114	2017-2024	6	310.311			123.767	2025	40.964	82.803	2025	Dự án vướng mặt bằng
12	Khu tái định cư số 1 xóm Trung Thành, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố	B	Quyết định số 11522/QĐ-UBND ngày 20/12/2018; 12664/QĐ-UBND ngày Quyết định số 9287/QĐ-UBND ngày 30/9/2017; 12637/QĐ-UBND; 31/12/2022	152.401	152.401	2018 - 2024	6	105.483			52.918	2025	6.000	46.918	2025	Dự án vướng mặt bằng
13	Khu tái định cư tổ 3 Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố	B	11522/QĐ-UBND ngày 20/12/2018; 12664/QĐ-UBND ngày Quyết định số 9287/QĐ-UBND ngày 30/9/2017; 12637/QĐ-UBND; 31/12/2022	149.088	149.088	2017-2024	2.024	106.942			50.700	2025	8.554	42.146	2025	Dự án vướng mặt bằng
14	Khu Tái định cư số 1, 2 xóm Trung Tâm, xã Phúc Xuân	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố	B	11906/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 9390/QĐ-UBND ngày Quyết định số 8030/QĐ-UBND ngày 07/9/2020; 12574/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	247.710	247.710	2018 - 2024	6	115.377			136.133	2025	3.800	132.333	2025	Dự án vướng mặt bằng
15	Mở rộng Khu dân cư số 1 đường Việt Bắc, phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố	B	8030/QĐ-UBND ngày 07/9/2020; 12574/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	285.488	285.488	2017-2024	4	140.139			195.170	2025	49.821	145.349	2025	Dự án vướng mặt bằng
16	Khu dân cư số 2 đường Việt Bắc, phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố	B	8401/QĐ-UBND ngày 18/10/2018; 12582/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	227.510	227.510	2018 - 2024	6	111.316			148.290	2025	32.096	116.194	2025	Dự án vướng mặt bằng



TT	Danh mục dự án/ Chương trình	Chủ đầu tư	Nhóm dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Tổng số kế hoạch vốn đã bố trí các năm			Quyết định thời gian bố trí vốn lần 1 (Tài NQ số 139 của HĐND tỉnh)		Quyết định thời gian bố trí vốn lần 2 (Tài NQ số 208 của HĐND tỉnh)		Kết quả thực hiện			Nguyên nhân/ Lý do
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương	Thời gian KC-HT	Số năm bố trí vốn	Tổng số vốn được bố trí	Số vốn còn lại được cho phép bố trí	Thời gian bố trí vốn đến năm	Số vốn còn lại được cho phép bố trí	Thời gian bố trí vốn đến năm	Số vốn đã bố trí	Số vốn còn phải bố trí	Thời gian bố trí vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
17	Khu dân cư số 3 đường Việt Bắc, phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố	B	Quyết định số 8399/QĐ-UBND ngày 18/10/2018; 12583/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	238.956	238.956	2018-2024	6	125.210			148.930	2025	35.184	113.746	2025	Dự án vướng mặt bằng	
18	Xây dựng hồ điều hòa tại Khu dân cư số 2 đường Việt bắc, phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố	B	Quyết định số 9346/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	82.545	82.545	2018-2024	6	29.713			68.915	2025	16.083	52.832	2025	Dự án vướng mặt bằng	
19	Khu tái định cư liên tổ 19, 20 phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên giai đoạn 1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố	B	Quyết định số 9317/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 31/12/2022	156.058	156.058	2018-2024	6	58.321			103.437	2025	5.700	97.737	2025	Dự án vướng mặt bằng	
20	Khu tái định cư liên tổ 13, 19, 23 phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên giai đoạn 1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố	B	Quyết định số 9314/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 12641/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	91.725	91.725	2018-2025	6	52.404			48.321	2025	9.000	39.321	2025	Dự án vướng mặt bằng	
21	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài đoạn giao với đường Tô Hữu bên trái tuyến	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố	C	Quyết định số 4825; 12/6/2019; Quyết định số 13779; 23/12/2021	10.003	10.003	2019-2024	5	5.550			4.953	2025	500	4.453	2025	Dự án vướng mặt bằng	
22	Xây dựng trạm xử lý nước thải phục vụ các khu dân cư đường Việt Bắc, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn 1)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố	C	Quyết định số 8976/QĐ-UBND; 30/10/2019	47.497	47.497	2019-2022	5	3.220			46.277	2025	2.000	44.277	2025	Dự án vướng mặt bằng	

TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC HĐND TỈNH THÔNG QUA THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 68 LƯẬT ĐẦU TƯ CÔNG NHỮNG ĐẾN NAY CHƯA THỰC HIỆN

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/ Chương trình	Chủ đầu tư	Nhóm dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Số vốn được kéo dài (Tại NS số....của HĐND tỉnh)	Số vốn được kéo dài (Tại NS số....của HĐND tỉnh)	Kết quả thực hiện			Nguyên nhân/ Lý do
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương	Thời gian KC - HT	Số vốn được kéo dài thời gian giải ngân	Số vốn được kéo dài thời gian giải ngân	Số đã giải ngân	Thời gian giải ngân	Số chưa giải ngân	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I Thành phố Phố Yên													
1	Phụ trợ trường mầm non Tiên Phong 1	BQL dự án đầu tư XD TP. Phố Yên	C	5924/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	2.932	2.932	2019-2020	102,3		80	2022	22	Số vốn kéo dài thuộc nguồn vốn NS thành phố quản lý
2	Trung tâm văn hóa thể thao xã Tân Phú	BQL dự án đầu tư XD TP. Phố Yên	C	Số2747b/QĐ -UBND ngày 29/3/2016;	5.638	5.638	2017-2018	55,4		33	2022	23	Số vốn kéo dài thuộc nguồn vốn NS thành phố quản lý
3	Xây dựng khu tái nghĩa địa phục vụ GPMB thực hiện Dự án Khu đô thị Nam Thái (Giai đoạn 1: Chính trang Nghĩa địa xóm Hộ Sơn, xã Nam Tiến phục vụ thực hiện dự án Khu Đô thị Nam Thái)	BQL dự án đầu tư XD TP. Phố Yên	C	513/QĐ-UBND ngày 22/01/2021	5.780	5.780	2.021	162,8		81	2022	82	Số vốn kéo dài thuộc nguồn vốn NS thành phố quản lý
4	Đường GTNT Nguyễn Hậu xã Tiên Phong	BQL thực hiện CSDT ATK	C	5705/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	1.101	1.101	2.018	69,5				69	
5	Lập Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 thị xã Phố Yên	Phòng TNMT	C	5609/QĐ-UBND ngày 14/9/2022	4.574	4.574	2022-2023	16,4		12	2022	4	



TT	Danh mục dự án/ Chương trình	Chủ đầu tư	Nhóm dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán					Số vốn được kéo dài (Tại HQ số.....của HĐND tỉnh)	Số vốn được kéo dài (Tại HQ số.....của HĐND tỉnh)	Kết quả thực hiện			Nguyên nhân/ Lý do
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Ngân sách địa phương	Thời gian KC-HT	Số vốn được kéo dài thời gian giải ngân			Số vốn được kéo dài thời gian giải ngân	Số đã giải ngân	Thời gian giải ngân	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
II Huyện Phú Bình														
1	Nâng cấp tuyến đường Bảo Lý - Tân Kim	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	C	QĐ số 2335/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 của UBND huyện Phú Bình	6.173	6.173	2022-2023	333,5		164	Năm 2023	170	Cắt giảm khối lượng không thực hiện	
III Huyện Võ Nhai														
1	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường PTDTBT THCS Liên Minh	Ban QLDA ĐTXD huyện	C	2229 ngày 28/9/2022	5.000	5.000	2022-2023		1.293,50	1.092,00	2023	201,50	Đang trình phê duyệt quyết toán, thanh toán hết khi có quyết định phê duyệt quyết toán	
2	Nâng cấp mở rộng tuyến đường Thấm - Nho - Khuôn Dã đi Đồng danh xã Tràng Xá	UBND xã Tràng Xá	C	2608 ngày 04/11/2023	2.000	730	2022-2023		730,00	724,85	2023	5,15	Giảm trừ quyết toán dự án hoàn thành	
3	Đường bê tông ngõ xóm Là Mè xã Phương Giao năm 2022	UBND xã Phương Giao	C	380 ngày 26/9/2022	128	128	2021-2023		29,92	-	2023	-		
4	Đường bê tông ngõ xóm Bàn xã Phương Giao năm 2022	UBND xã Phương Giao	C	381 ngày 26/9/2022	192	192	2021-2023		38,08	-	2023	-		
5	Đường bê tông ngõ xóm Nà Canh xã Phương Giao năm 2022	UBND xã Phương Giao	C	382 ngày 26/9/2022	449	449	2021-2023		46,80	-	2023	-		

TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHẠM TRÌNH PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN

Đơn vị tính: Triệu đồng									
TT	Danh mục dự án/Tên gói thầu	Địa điểm	Chủ đầu tư dự án	Thời gian KC-HT	Số Quyết định phê duyệt (ngày tháng, năm)	Thời gian nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng	Thời gian đề nghị quyết toán theo quy định	Thời gian chậm thực hiện Quyết toán theo quy định	Nguyên nhân chậm quyết toán
A DỰ ÁN THUỘC CẤP TỈNH QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ									
1	Đường gom Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên đoạn từ Khu công nghiệp Yên Bình đến ĐT 266 Khu công nghiệp Diêm Thụy	TP Sông Công	Ban QLDA EITDXD các CTGT	2014	Quyết định số 1173/QĐ-UBND ngày 13/6/2014; số 2233/QĐ-UBND ngày 9/10/2014; số 204/QĐ-UBND ngày 22/01/2016	18-05-17	30-08-19	18 tháng	
2	Tuyến đê Hà Châu (đoạn từ K3+500 đến K3+700 và đoạn từ K4+950 đến K5+350)	Huyện Phú Bình	Chi cục Thủy lợi	2017	Quyết định số 4238/QĐ-UBND ngày 29/12/2017; Quyết định phê duyệt quyết toán số 1153/QĐ-UBND ngày 14/4/2021	16-07-19	14-04-21	12 tháng	
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê Mỏ Bạch kết hợp làm đường giao thông vào trường Đại học Nông Lâm và Trung tâm KTX Sinh viên Đại học Thái Nguyên	TP Thái Nguyên	Chi cục Thủy lợi	2012	Quyết định số 2527/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; Quyết định phê duyệt quyết toán số 3934/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	28-09-16	10-12-21	60 tháng	
4	Kè chống sạt lở bờ sông bảo vệ khu dân cư tại vị trí xóm Soi 2, xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình	Huyện Phú Bình	Ban QLDA EITDXD các CTNN và PTNT	2017	Quyết định phê duyệt quyết toán số 2765/QĐ-UBND ngày 30/8/2019	09-10-18	30-08-19	2 tháng	
5	Đường nối từ QL3 mới (Hà Nội - Thái Nguyên) đến Khu công nghiệp Yên Bình I (đoạn từ nút giao Yên Bình đến Km1+631,8m	TP Phả Yên	Ban QLDA EITDXD các CTGT	2014	Quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 19/9/2014; số 1234/QĐ-UBND ngày 27/5/2015	27-09-17	30-03-20	25 tháng	



6	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	TP Thái Nguyên	Sở Nội vụ	2019	Quyết định số 1157/QĐ-UBND ngày 04/5/2019; Quyết định phê duyệt quyết toán số 3265/QĐ-UBND ngày 19/10/2021	01-12-20	19-10-21	1 tháng	
7	Xây dựng nhà công vụ và đón khách của Văn phòng Tỉnh ủy	TP Thái Nguyên	VP Tỉnh ủy	2016	Quyết định số 3088/QĐ-UBND ngày 18/11/2016; Quyết định phê duyệt quyết toán số 3099/QĐ-UBND ngày 05/10/202	23-12-16	05-10-20	36 tháng	
8	Sửa chữa, nâng cấp hồ Đồng Xiển, xã Yên Lạc, Đập Núi Phấn, xã Đồng Đất, huyện Phú Lương	Huyện Phú Lương	Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi	2012	Các Quyết định số: 1609/QĐ-UBND ngày 26/7/2012; 3936/QĐ-UBND ngày 10/12/2012 của UBND tỉnh	21-01-16	10-12-21	60 tháng	
9	Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Thái Nguyên	TP Thái Nguyên	Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Thái Nguyên	2015	Quyết định số 2994/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; Quyết định phê duyệt quyết toán hạng mục: 15/QĐ-UBND ngày 14/01/2021; 4131/QĐ-UBND ngày 27/12/2021; 485/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	01-12-21	15-03-23	4 tháng	
10	Xây dựng công lấy nước cung cấp nước thô cho Nhà máy nước sạch Yên Bình	Hồ Núi Cốc	Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi	2014	Quyết định số 1167/QĐ-UBND ngày 12/6/2014; Quyết định phê duyệt quyết toán số 465/QĐ-UBND ngày 14/3/2023	20-12-17	14-03-23	65 tháng	
11	Mở rộng, nâng quy mô Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh	TP Thái Nguyên	Sở Giáo dục và Đào tạo	2017	Quyết định số 3024/QĐ-UBND ngày 29/9/2017; Quyết định phê duyệt Quyết toán số 1196/QĐ-UBND ngày 31/5/2023	13-04-22	31-05-23	4 tháng	

12	Mở rộng, nâng quy mô Trường PTDTNT THCS Nguyễn Bình Khiêm	huyện Vô Nhai	Ban QLDA ĐTXD các CTDDCN	2017	Quyết định số 3306/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; Quyết định phê duyệt quyết toán số 3339/QĐ-UBND ngày 08/02/2021	29-05-20	08-02-21	1 tháng	
13	Trồng rừng sản xuất, phòng hộ, xây dựng Vườn cây Bác Hồ tại ATK và nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020.	huyện Định Hóa	Chi Cục kiểm lâm	2017	Quyết định số 2988/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; Quyết định số 3224/QĐ-UBND ngày 23/10/2017; Quyết định số 3816/QĐ-UBND ngày 25/11/2021; Quyết định phê duyệt quyết toán số 35/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	31-12-21	12-01-23	3 tháng	
14	Xây dựng Khu tái định cư tập trung vùng thiên tai có nguy cơ sạt lở bờ sông và ngập úng xã Tân Phú, thị xã Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên	TP Phố Yên	Chi cục Phát triển Nông thôn	2017	Quyết định số 3136/QĐ-UBND ngày 12/10/2017; Quyết định số 3341/QĐ-UBND ngày 16/10/2019; Quyết định số 3761/QĐ-UBND ngày 20/11/2019; Quyết định số 2141/QĐ-UBND ngày 28/6/2021; Quyết định phê duyệt quyết toán số 3397/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	31-12-21	30-12-22	2 tháng	
<b>A DỰ ÁN THUỘC CẤP HUYỆN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ</b>									
<b>I</b>	<b>Thành phố Thái Nguyên</b>								
1	Trường mầm non Quan Triều, thành phố Thái Nguyên (Phần hiệu 2), Hàng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, nhà bếp và các hàng mục phụ trợ	P Quan Triều, TPTN	BQLDA ĐTXD TP	2017-2018	7711/QĐ-UBND ngày 31/8/2020	06-03-19	25/05/2020	9 tháng	Đơn vị thi công chậm hoàn thiện hồ sơ hoàn công
2	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường Mầm non Hoa Sen, thành phố Thái Nguyên	P Phú Xá, TPTN	BQLDA ĐTXD TP	2016-2017	11523/QĐ-UBND ngày 8/11/2021	28/12/2020	13/10/2021	5 tháng	Đơn vị thi công chậm hoàn thiện hồ sơ hoàn công



3	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường Mầm non Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên	P Gia Sàng, TPTN	BQLDA DTXD TP	2016-2017	12809/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	30/10/2018	29/06/2020	16 tháng	Đơn vị thi công chậm hoàn thiện hồ sơ hoàn công
4	Trường tiểu học Cam Giá, thành phố Thái Nguyên (phần hiệu 2). Hàng mục: Sân nền, nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và các hạng mục phụ trợ	P Cam Giá, TPTN	BQLDA DTXD TP	2017-2019	3291/QĐ-UBND ngày 29/4/2021	01-03-20	04-05-22	23 tháng	Đơn vị thi công chậm hoàn thiện hồ sơ hoàn công
5	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường tiểu học Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên	P Túc Duyên, TPTN	BQLDA DTXD TP	2018-2019	3171/QĐ-UBND ngày 5/4/2021	29/06/2019	10-09-20	11 tháng	Đơn vị thi công chậm hoàn thiện hồ sơ hoàn công
6	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường tiểu học Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	P Tân Lập, TPTN	BQLDA DTXD TP	2018-2019	908/QĐ-UBND ngày 25/2/2022	13/11/2019	14/01/2022	22 tháng	Đơn vị thi công chậm hoàn thiện hồ sơ hoàn công
7	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường tiểu học Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	Xã Quyết Thắng, TPTN	BQLDA DTXD TP	2018-2019	11470/QĐ-UBND ngày 5/11/2021	27/10/2020	29/07/2021	5 tháng	Đơn vị thi công chậm hoàn thiện hồ sơ hoàn công
8	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Linh Sơn, thành phố Thái Nguyên	Xã Linh Sơn, TPTN	BQLDA DTXD TP	2020-2021	11204/QĐ-UBND ngày 12/12/2022	22/09/2021	14/07/2022	6 tháng	Đơn vị thi công chậm hoàn thiện hồ sơ hoàn công
9	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Hướng Thụơng, thành phố Thái Nguyên	Xã Hướng Thụơng, TPTN	BQLDA DTXD TP	2020-2021	7527/QĐ-UBND ngày 31/08/2022	09-06-21	14/07/2022	7 tháng	Đơn vị thi công chậm hoàn thiện hồ sơ hoàn công
10	Khởi nhà 3 tầng phòng lớp học, phòng chức năng Trường THCS Chùa Hang 1, thành phố Thái Nguyên	P Chùa Hang, TPTN	BQLDA DTXD TP	2020-2021	8175/QĐ-UBND ngày 30/09/2022	01-05-22	08-12-22	3 tháng	Đơn vị thi công chậm hoàn thiện hồ sơ hoàn công
11	Cải tạo sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất nhà thiếu nhi Thái Nguyên	P Trưng Vương, TPTN	BQLDA DTXD TP	2017-2019	3398/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	08-05-20	12-07-21	4 tháng	Đơn vị thi công chậm hoàn thiện hồ sơ hoàn công
12	Cải tạo, nâng cấp nhà thiếu nhi Thái Nguyên. Hàng mục: Nhà thi đấu đa năng và hệ thống sân, đường, công hàng rào	P Trưng Vương, TPTN	BQLDA DTXD TP	2016-2019	11250/QĐ-UBND ngày 28/10/2021	11-01-19	08-11-21	17 tháng	Đơn vị thi công chậm hoàn thiện hồ sơ hoàn công
13	Cải tạo mặt tiền rạp Măng Non và xây dựng lắp đặt các hạng mục phụ trợ nhà Thiếu nhi Thái Nguyên	P Trưng Vương, TPTN	BQLDA DTXD TP	2020	501/QĐ-BQLDA ngày 27/11/2022	28/01/2021	12-03-21	6 tháng	Đơn vị thi công chậm hoàn thiện hồ sơ hoàn công
14	Xây dựng mới Trụ sở cơ quan Thành ủy Thái Nguyên	P Trưng Vương, TPTN	BQLDA DTXD TP	2019-2020	5284/QĐ-UBND ngày 23/6/2023	04-07-22	27/02/2023	7 tháng	Đơn vị thi công chậm hoàn thiện hồ sơ hoàn công
15	Nhà hiệu bộ và nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường mầm non Hoa Mai TPTN	Phường Phú Xá	BQLDA DTXD TP	2017-2019	17400/QĐ-UBND 31/10/2016	25/12/2019	23/09/2021	16 tháng	Đơn vị thi công chậm hoàn thiện hồ sơ hoàn công

16	Xây dựng 4 phòng học bộ môn trường THCS Trưng Vương, TP.TN	Phường Trưng Vương	BQLDA DTXD TP	2018-2019	11679/QĐ-UBND 31/10/2017	05/05/2019	01/06/2020	9 tháng	Đơn vị thi công chậm hoàn thiện hồ sơ hoàn công
17	Khởi nhà 3 tầng lớp học và hiệu bộ trường tiểu học Đồng Quang, TP.TN	Phường Đồng Quang	BQLDA DTXD TP	2019-2020	9344/QĐ-UBND 31/10/2018	27/11/2020	30/06/2021	3 tháng	Đơn vị thi công chậm hoàn thiện hồ sơ hoàn công
18	Nhà làm việc 2 tầng 8 phòng UBND phường Túc Duyên	Phường Túc Duyên	BQLDA DTXD TP	2017-2019	17425/QĐ-UBND 31/10/2016	18/12/2019	30/06/2023	30 tháng	Đơn vị thi công chậm hoàn thiện hồ sơ hoàn công
19	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường MN Túc Duyên, TP.TN	Phường Túc Duyên	BQLDA DTXD TP	2018-2020	11922/QĐ-UBND 31/10/2017	29/05/2020	18/01/2023	21 tháng	Đơn vị thi công chậm hoàn thiện hồ sơ hoàn công
20	Xây dựng 4 phòng học bộ môn trường THCS Hoàng Văn Thụ, TP.TN	Phường Quan Triều	BQLDA DTXD TP	2018-2019	11925/QĐ-UBND 31/10/2017	30/11/2020	06/10/2023	22 tháng	Đơn vị thi công chậm hoàn thiện hồ sơ hoàn công
21	Xây dựng kê đá, cổng phụ, sân bê tông trường Mầm non Khánh Hòa, TP Thái Nguyên	Xã Sơn Cẩm	BQLDA DTXD TP	2019-2020	8830/QĐ-UBND 25/10/2019	20/05/2021	31/01/2023	15 tháng	Đơn vị thi công chậm hoàn thiện hồ sơ hoàn công
22	Trường MN Độc Lập, TP.TN; HM: Khởi nhà 3 tầng lớp học và hiệu bộ	Phường Trưng Thành	BQLDA DTXD TP	2019-2020	9339/QĐ-UBND 31/10/2018	23/08/2021	18/01/2023	13 tháng	Đơn vị thi công chậm hoàn thiện hồ sơ hoàn công
23	Trường MN Khánh Hòa: HM: Sân nền, nhà lớp học, nhà hiệu bộ, bếp ăn và các công trình phụ trợ	Xã Sơn Cẩm	BQLDA DTXD TP	2018-2020	13139/QĐ-UBND 31/10/2017	20/05/2021	18/01/2023	15 tháng	Đơn vị thi công chậm hoàn thiện hồ sơ hoàn công
24	Khởi nhà 2 tầng hiệu bộ, phòng chức năng và hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Gia Sàng	Phường Gia Sàng	BQLDA DTXD TP	2020-2021	8812/QĐ-UBND 25/10/2019	18/11/2022	21/04/2023	02 tháng	Đơn vị thi công chậm hoàn thiện hồ sơ hoàn công
25	Trường MN Đồng Liên, TP.TN; HM: Khởi nhà lớp học 3 tầng 6 phòng và các phòng khởi hành chính quân trị	Xã Đồng Liên	BQLDA DTXD TP	2019-2020	9041/QĐ-UBND 25/10/2018	15/07/2021	27/07/2022	12 tháng	Đơn vị thi công chậm hoàn thiện hồ sơ hoàn công
26	Xây dựng 2 tầng 6 phòng học và các hạng mục phụ trợ trường THCS Tân Long, TP Thái Nguyên	Phường Tân Long	BQLDA DTXD TP	2020-2021	8828/QĐ-UBND 25/10/2019	13/10/2021	31/08/2022	7 tháng	Đơn vị thi công chậm hoàn thiện hồ sơ hoàn công
27	Khởi nhà 3 tầng phòng học, phòng bộ môn và các hạng mục phụ trợ trường THCS Lương Ngọc Quyến, thành phố Thái Nguyên	Phường Thịnh Dân	BQLDA	3/2021-10/2021	12530/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	12-2021	9/2022	3 tháng	do nhà thầu chậm làm hồ sơ QT
28	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp một số công trình cũ thuộc trụ sở Công an tỉnh Thái Nguyên tại số 238/1 đường Bắc Kạn, thành phố Thái Nguyên	Phường Hoàng Văn Thụ, TP.TN	BQLDA	2021-2023	641/QĐ-UBND ngày 22/01/2021	22/12/2021	22/03/2022	11 tháng	do nhà thầu chậm làm hồ sơ QT



29	Cải tạo sửa chữa trụ sở Công an thành phố tại số 17 đường CMT8, thành phố Thái Nguyên	Phường Trung Vương, TPTN	BQLDA	2021-2023	10078/QĐ-UBND ngày 17/9/2021	15/9/2022	15/12/2022	3 tháng	do nhà thầu chậm làm hồ sơ QT
30	Sửa chữa, cải tạo một số hạng mục trụ sở câu lạc bộ Hữu trí TN	Phường Trung Vương, TPTN	BQLDA	2021-2023	13690/QĐ-UBND ngày 21/12/2021	16/05/2022	16/08/2022	6 tháng	do nhà thầu chậm làm hồ sơ QT
31	Thảm lát bê tông nhựa mặt đường Cách Mạng Tháng Tám (từ đầu tròn trung tâm đến chợ Gia Sàng)	Phường Phan Đình Phùng, Gia Sàng	BQLDA	2018-2020	5280/QĐ-UBND ngày 23/6/2023	28/2/2019	28/5/2019	18 tháng	do nhà thầu chậm làm hồ sơ QT
32	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng trường THCS Độc Lập, thành phố Thái Nguyên	Phường Trung Thành, TPTN	Ban QLDA ĐTXD TPTN	2018-2019	Số 9657/QĐ-UBND ngày 15/10/2020	18/12/2019	06-11-20	2 tháng	Do nhà thầu chậm làm hồ sơ QT
33	Cải tạo sửa chữa đường KDC số 1 phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên	Phường Đồng Quang, TPTN	Ban QLDA ĐTXD TPTN	2017-2017	Số 13041/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	11-11-19	12-05-20	9 tháng	Do nhà thầu chậm làm hồ sơ QT
34	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường Mầm non Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	Xã Quyết Thắng	Ban QLDA ĐTXD TPTN	2018-2019	Số 8248/QĐ-UBND ngày 30/9/2022	19/8/2020	09-09-22	21 tháng	Do nhà thầu chậm làm hồ sơ QT
35	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng học trường THCS Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	Xã Quyết Thắng	Ban QLDA ĐTXD TPTN	2018-2019	Số 6516/QĐ-UBND ngày 31/7/2023	18/11/2020	04-11-23	25 tháng	Do nhà thầu chậm làm hồ sơ QT
36	Nhà lớp học 2 tầng 12 phòng trường Tiểu học Chiến Thắng, phường Chùa Hang	Phường Chùa Hang	Ban QLDA ĐTXD TPTN	2018-2019	Số 10989/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	14/9/2020	21/9/2021	08 tháng	Do nhà thầu chậm làm hồ sơ QT
37	Trường Tiểu học Núi Voi, Phường Chùa Hang; Hạng mục: Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và các hạng mục phụ trợ	Phường Chùa Hang	Ban QLDA ĐTXD TPTN	2019-2021	Số 8174/QĐ-UBND ngày 30/9/2022	22/11/2021	25/7/2022	04 tháng	Do nhà thầu chậm làm hồ sơ quyết toán
38	Trường Mầm non 1-5, thành phố Thái Nguyên; Hạng mục: Khối nhà 2 tầng lớp học và phòng chức năng	Phường Trung Thành	Ban QLDA ĐTXD TPTN	2019-2021	Số 6519/QĐ-UBND ngày 31/7/2023	31/12/2022	30/5/2023	01 tháng	Do nhà thầu chậm làm hồ sơ quyết toán
39	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc khối hành chính sự nghiệp, thành phố Thái Nguyên	P. Túc Duyên	Ban QLDA ĐTXD TPTN	2019-2019	Số 5651/QĐ-UBND ngày 06/7/2023	31/12/2021	04-04-2023	11 tháng	Do nhà thầu chậm làm hồ sơ quyết toán
40	Trường THCS Nguyễn Du thành phố Thái Nguyên; Hạng mục : Khối nhà 3 tầng phòng học, phòng bộ môn và các hạng mục phụ trợ	Phường Hoàng Văn Thụ	Ban QLDA ĐTXD TPTN	2020-2020	Số 10012/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	01-05-22	23/8/2022	04 tháng	Do nhà thầu chậm làm hồ sơ quyết toán
41	Cải tạo khối nhà lớp học 2 tầng 6 phòng thành 3 tầng 9 phòng và hạng mục phụ trợ trường Mầm non Hương Sen, thành phố Thái nguyên	Phường Tân Thành	Ban QLDA ĐTXD TPTN	2020-2021	Số 6518/QĐ-UBND ngày 31/7/2023	31/12/2022	06-12-23	01 tháng	Do nhà thầu chậm làm hồ sơ quyết toán

42	Khởi nhà hiệu bộ, phòng chức năng 2 tầng và hạng mục phụ trợ trường Mầm non Hoa Sen, thành phố Thái Nguyên	Phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên	Ban QLDA ĐTXD TPTN	2020-2021	Số 2570/QĐ-UBND ngày 11/4/2023	01-10-22	23/8/2022	2 tháng	Do nhà thầu chậm làm hồ sơ quyết toán
43	Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Lê Văn Tám, thành phố Thái Nguyên	Phường Tân Thịnh	Ban QLDA ĐTXD TPTN	2020-2022	Số 5743/QĐ-UBND ngày 10/7/2023	02-08-2022	29/3/2023	4 tháng	Do nhà thầu chậm làm hồ sơ quyết toán
44	Mương thoát nước đường 379 (từ QL17 đi xã Cao Ngạn)	Phường Chùa Hang	UBND phường Chùa Hang	3/2018-7/2019	Số 8050 ngày 09/9/2020	11/2019	2/2020	6 tháng	Do 1 số đơn vị tư vấn, thi công chưa hoàn thiện các thủ tục QT
45	Mương thoát nước khu dân cư tổ 16+18 phường Chùa Hang	Phường Chùa Hang	UBND phường Chùa Hang	8/2018-8/2019	Số 8006 Ngày 4/9/2020	8/2019	12/2019	8 tháng	Do 1 số đơn vị tư vấn, thi công chưa hoàn thiện các thủ tục QT
46	Cải tạo, sửa chữa Đài tưởng niệm liệt sỹ phường Chùa Hang, TP Thái Nguyên	Phường Chùa Hang	UBND phường Chùa Hang	10/2019-10/2021	Số: 7090 ngày 22/8/2023	10/2021	2/2022	18 tháng	Do dịch bệnh Covid-19 kéo dài làm chậm tiến độ thi công,
47	Mương thoát nước khu vực Cầu trắng tổ 20, phường Chùa Hang	Phường Chùa Hang	UBND phường Chùa Hang	2020-2021	số 12357 ngày 31/12/2022	7/2021	12/2022	12 tháng	Do đơn vị thi công không phối hợp lập hồ sơ quyết toán
48	Trường tiểu học Đồng Bẩm (hạng mục: 8 phòng chức năng)	Phường Đồng Bẩm	UBND phường Đồng Bẩm	2017-2018	Số 6431/QĐ-UBND	07-08-17	25-06-20	6 tháng	
49	Xây kè chống sạt lở bờ đập trữ nước kết hợp đường dân sinh liên phường Đồng Quang- Tân Thịnh TPTN	UBND P. Đồng Quang	UBND P. Đồng Quang	2018-2020	Số 13122/QĐ-UBND ngày '02/10/2020	03-01-19	4 tháng	18 tháng	Nhà thầu hoàn thiện hồ sơ chậm
50	Sửa chữa nhà làm việc và nhà để xe trụ sở UBND phường Đồng Quang, TP thái Nguyên	UBND P. Đồng Quang	UBND P. Đồng Quang	2018-2019	Số 13040/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	24-04-19	4 tháng	14 tháng	Nhà thầu hoàn thiện hồ sơ chậm
51	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc 3 tầng và xây mới khối nhà làm việc, bộ phận một cửa 3 tầng trụ sở UBND phường Đồng Quang, TPTN	UBND P. Đồng Quang	UBND P. Đồng Quang	2020-2022	Số 8935/QĐ-UBND ngày 09/10/2023	18-04-22	4 tháng	14 tháng	Do công trình có phần phát sinh nhà thầu hoàn thiện
52	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên phường Tân Thịnh - Đồng Quang Thành Phố Thái Nguyên	UBND P. Đồng Quang	UBND P. Đồng Quang	2020-2022	Số 9144/QĐ-UBND ngày 17/10/2023	03-09-21	4 tháng	20 tháng	Nhà thầu hoàn thiện hồ sơ chậm
53	Dự án: Cải tạo, sửa chữa đường Chu Văn An, phường Hoàng Văn Thụ, TPTN	p Hoàng Văn Thụ	p Hoàng Văn Thụ	2014-2021	8667/QĐ-UBND ngày 23/10/2013	2021	2021	24 tháng	do ảnh hưởng của dịch Covid-19
54	Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học Trường Mầm non 19/5, thành phố Thái Nguyên	p Hoàng Văn Thụ	p Hoàng Văn Thụ	2019-2020	9401/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	2020	2020	24 tháng	do ảnh hưởng của dịch Covid-19



55	Dự án: Cải tạo, nâng cấp hệ thống rãnh thoát nước, vỉa hè đường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên	Phường Phú Xá	UBND phường Phú Xá	2019-2021	Số 9124/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	10-08-22	04-11-22	14 tháng	Do dịch bệnh Covid -19
56	Dự án Nâng cấp, sửa chữa hệ thống chống sạt lở và tường rào, rãnh thoát nước trường MNN Tân Long	Phường Tân Long	UBND phường Tân Long	2019-2020	Số 8182/QĐ-UBND ngày 08/10/2019	07-02-20	01-09-21	14 tháng	Do 1 số đơn vị tư vấn, thi công chưa hoàn thiện các thủ tục QT
57	Dự án Cải tạo sửa chữa tường rào trường THCS Tân Long	Phường Tân Long	UBND phường Tân Long	2018-2019	Số 7951/QĐ-UBND ngày 05/10/2018	02-01-19	19-05-23	48 tháng	Do dịch bệnh Covid-19 kéo dài, do UBND phường luân
58	Dự án Đường bê tông vào khu nghĩa trang phường Tân Long	Phường Tân Long	UBND phường Tân Long	2017-2018	Số 10021/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	12-02-18	19-05-23	57 tháng	Do Công trình đường giao thông điểm đầu đường tiếp nối
59	Xây dựng nhà một cửa, nhà để xe phường Tân Thịnh	UBND P. Tân Thịnh	UBND P. Tân Thịnh	2018-2019	Số 8741/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	16-10-21	4 tháng	18 tháng	Nhà thầu hoàn thiện hồ sơ chậm
60	Xây dựng dài tường niêm các ảnh hưởng liệt sỹ phường Tân Thịnh	UBND P. Tân Thịnh	UBND P. Tân Thịnh	2017-2018	Số 8131/QĐ-UBND ngày 15/9/2023	18-02-21	4 tháng	26 tháng	Nhà thầu hoàn thiện hồ sơ chậm
61	Cải tạo, nâng cấp đường vào trụ sở UBND phường Tân Thịnh	UBND P. Tân Thịnh	UBND P. Tân Thịnh	2015-2016	Số 10151/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	18-04-18	4 tháng	48 tháng	Do công trình có phần phát sinh nhà thầu hoàn thiện
62	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông tổ 11, phường Tân Thịnh, TP Thái Nguyên	UBND P. Tân Thịnh	UBND P. Tân Thịnh	2020	Số 8667/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	22-04-21	4 tháng	24 tháng	Do công trình có phần phát sinh đơn vị thi công, tư vấn
63	Dự án Cải tạo sửa chữa nhà vệ sinh học sinh trường THCS Thịnh Đức	Xã Thịnh Đức	UBND xã Thịnh Đức	2018-2019	Số 8555/QĐ-UBND ngày 27/09/2023	28-11-19	06-06-20	15 tháng	Do nhà thầu không đủ hồ sơ trình quyết toán
64	Cải tạo, sửa chữa mái nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, nhà bảo vệ, nhà để xe trường THCS Tích Lương, thành phố Thái Nguyên	Phường Tích Lương, TPTN	UBND phường Tích Lương	2019-2020	8554/QĐ-UBND ngày 27/09/2023	06/2020	10/2020	34 tháng	Nhà thầu xây lắp chậm nộp hồ sơ quyết toán
65	Nâng cấp, cải tạo hệ thống kê, tường rào Trường THCS Tích Lương, thành phố Thái Nguyên	Phường Tích Lương, TPTN	UBND phường Tích Lương	2019-2020	8553/QĐ-UBND ngày 27/09/2023	1/2020	06/2020	38 tháng	Nhà thầu xây lắp chậm nộp hồ sơ quyết toán
66	Đường vào trường Cao đẳng nghề cơ điện Luyện Kim và Tiêu đoàn cảnh sát cơ động, phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên (60/40)	Phường Tích Lương, TPTN	UBND phường Tích Lương	2017-2020	7091/QĐ-UBND ngày 22/08/2023	11/2020	3/2021	26 tháng	Nhà thầu xây lắp chậm nộp hồ sơ quyết toán
67	Cải tạo, nâng cấp đường bê tông tổ 1 phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên (60/40)	Phường Tích Lương, TPTN	UBND phường Tích Lương	2018-2019	9961/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	02/2019	05/2019	54 tháng	Nhà thầu xây lắp chậm nộp hồ sơ quyết toán

68	Cải tạo nâng cấp đường bê tông các tổ 1,2,7,10,11,12,13,15 phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên	Phường Tích Lương, TPTN	UBND phường Tích Lương	2019-2022	10080/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	12/2022	4/2023	6 tháng	Nhà thầu xây lắp chậm nộp hồ sơ quyết toán
69	Sửa chữa, nâng cấp trạm y tế phường Tích Lương, nhà vệ sinh UBND phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên	Phường Tích Lương, TPTN	UBND phường Tích Lương	2019-2021	7854/QĐ-UBND ngày 30/08/2023	12/2021	05/2022	14 tháng	Nhà thầu xây lắp chậm nộp hồ sơ quyết toán
70	Công trình: Cải tạo, nâng cấp đoạn đường bê tông xi măng tổ 4 phường Quang Vinh	Phường Quang Vinh	Phường Quang Vinh	2019-2020	Số 3238/QĐ-UBND ngày 22/4/2022	13-11-19	13-04-22	24 tháng	Do đơn vị thi công ứng hồ sơ vốn đối ứng: vốn đóng góp
71	Dự án: Xứ Lý ngập úng khu vực cổng trường Tiểu học Nhà Trang tổ 22, Phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng	UBND phường Phan Đình Phùng	2021	Số 1381/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND TPTN	30-01-18	03-06-19	13 tháng	Bên B chậm hoàn thiện hồ sơ quyết toán
72	Dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tổ 25, phường Phan Đình Phùng	Phường Phan Đình Phùng	UBND phường Phan Đình Phùng	2021-2022	Số 7764 /QĐ-UBND, ngày 15/9/2022 của UBND TPTN	19-11-21	05-09-22	6 tháng	Bên B chậm hoàn thiện hồ sơ quyết toán
73	Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng	UBND phường Phan Đình Phùng	2020-2022	Số 11346 /QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND TPTN	27-03-21	10-11-23	28 tháng	Bên B chậm hoàn thiện hồ sơ quyết toán
74	Dự án: Xây dựng cấp bách Đường nổi khu dân cư A1 - A2 đến sau khu dân cư chợ Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng	UBND phường Phan Đình Phùng	2018-2023	Số 11140/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND TPTN	12-11-22	24-11-23	9 tháng	Bên B chậm hoàn thiện hồ sơ quyết toán
75	Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường liên tổ dân phố số 18, 19 phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng	UBND phường Phan Đình Phùng	2018-2019	Số 11997/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND TPTN	03-12-19	07-11-23	44 tháng	Bên B chậm hoàn thiện hồ sơ quyết toán
76	Dự án: Đường Xuân Hoà, phố Xương Rỗng, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng	UBND phường Phan Đình Phùng	2012-2013	Số 11936/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND TPTN	03-10-12	26-11-23	132 tháng	Bên B chậm hoàn thiện hồ sơ quyết toán
77	Trung tâm Văn hóa thể thao xã Phúc Trìu	Xã Phúc Trìu	UBND xã Phúc Trìu	2014-2015	Số 11028/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	12-12-16	19-12-23	84 tháng	Nhà thầu chậm phối hợp làm thủ tục quyết toán
II	<b>Huyện Đồng Hỷ</b>								
1	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm xã Hợp Tiến	H.Đồng Hỷ	UBND xã Hợp Tiến	2016-2020	4296/QĐ-UBND ngày 25/10/2022	2020	2022	14 tháng	Nhà thầu chậm phối hợp làm thủ tục quyết toán



2	Cải tạo sửa chữa nhà làm việc UBND xã Hợp Tiến	H.Đòng Hỷ	UBND xã Hợp Tiến	2016-2020	996/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	2020	2022	14 tháng	Nhà thầu chấm phối hợp làm thủ tục quyết toán
3	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc, bếp ăn, khu vệ sinh công an xã Nam Hòa	H.Đòng Hỷ	UBND xã Nam Hoà	2016-2020	4813/QĐ-UBND ngày 16/11/2022	2020	2022	14 tháng	Nhà thầu chấm phối hợp làm thủ tục quyết toán
4	Cải tạo, sửa chữa nhà hội trường UBND thị trấn Sông Cầu	H.Đòng Hỷ	UBND thị trấn Sông Cầu	2016-2020	215/QĐ-UBND ngày 08/6/2022	2020	2022	12 tháng	Nhà thầu chấm phối hợp làm thủ tục quyết toán
5	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc 2 tầng, sân, cổng, tường rào UBND thị trấn Sông Cầu	H.Đòng Hỷ	UBND thị trấn Sông Cầu	2016-2020	215/QĐ-UBND ngày 08/6/2022	2020	2022	12 tháng	Nhà thầu chấm phối hợp làm thủ tục quyết toán
6	Tận địa phòng không 12,7mm + Đài quan sát xã Khe Mo huyện Đòng Hỷ	H.Đòng Hỷ	Ban chỉ huy quân sự	2016-2020	3906/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	2019	2021	12 tháng	Nhà thầu chấm phối hợp làm thủ tục quyết toán
7	Nghĩa trang liệt sỹ huyện Đòng Hỷ	H.Đòng Hỷ	Phòng Lao động TB&XH	2016-2020	53/QĐ-UBND ngày 09/01/2017	2012	2017	48 tháng	Nhà thầu chấm phối hợp làm thủ tục quyết toán
8	07 cầu Hòa Thương Hòa Bình	H.Đòng Hỷ	Ban quản lý dự án	2008-2010	3744/QĐ-UBND ngày 30/11/2017	2010	2017	72 tháng	Nhà thầu chấm phối hợp làm thủ tục quyết toán
9	Cầu khu 7 TT Sông Cầu	H.Đòng Hỷ	UBND thị trấn Sông Cầu	2016-2020	3024/QĐ-UBND ngày 18/3/2014	2012	2014	11 tháng	Nhà thầu chấm phối hợp làm thủ tục quyết toán
10	Cải tạo, nâng cấp khu thể thao xã Hợp Tiến	H.Đòng Hỷ	UBND xã Hợp Tiến	2016-2020	1730/QĐ-UBND ngày 26/5/2023	2021	2023	12 tháng	Nhà thầu chấm phối hợp làm thủ tục quyết toán
11	Xây dựng cầu xóm Ba Đình 1, Ba Đình 2, xã Tân Long	H.Đòng Hỷ	Ban quản lý dự án	2020-2021	2722/QĐ-UBND ngày 18/7/2023	2021	2023	13 tháng	Nhà thầu chấm phối hợp làm thủ tục quyết toán
III	Huyện Võ Nhai								
1	Hồ sinh thái - Công viên cây xanh thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	Thị trấn Đình Cả	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2017-2021	1404/QĐ-UBND ngày 23/6/2023	29/09/2021	15/6/2022	12 tháng	

2	Sửa chữa đường trường Xã Dân Tiến, Phường Giao	Xã Tràng Xá - Dân Tiến - Phường Giao	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2022-2023	2356/QĐ-UBND ngày 12/10/2023	20/10/2022	27/7/2023	3 tháng	
3	Đường trải sỏi Vén, xã Bình Long, huyện Võ Nhai	Xã Bình Long	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2021-2022	753/QĐ-UBND ngày 14/4/2023	23/05/2022	19/10/2022	3 tháng	
IV	Thành phố Phố Yên								
1	Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè & trồng cây xanh tuyến đường Nguyễn Cầu	Phường Ba Hàng, TP phố Yên	Ban QLDA DTXD	2021-2023	2415/QĐ-UBND ngày 09/3/2022	24-07-22	06-12-22	02 tháng	
2	Nhà làm việc bộ phận một cửa liên thông và Hội trường xã Nam Tiến	Phường Nam Tiến, TP Phố Yên	Ban QLDA DTXD	2021-2023	8236/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	10-04-22	17-04-23	17 tháng	
3	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường Tiểu học Nam Tiến I	Phường Nam Tiến, TP Phố Yên	Ban QLDA DTXD	2021-2023	8235/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	05-06-22	29-05-23	08 tháng	
4	Hệ thống điện chiếu sáng DT261 (Từ Đắc Sơn đi Phúc Thuận)	Phường Đắc Sơn, Phúc Thuận	Ban QLDA DTXD	2021-2023	11367/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	26-06-22	25-09-23	12 tháng	
5	Hệ thống chiếu sáng công cộng các tuyến phố chính xã Tân Phú	Phường Tân Phú, TP Phố Yên	Ban QLDA DTXD	2021-2023	9399/QĐ-UBND ngày 21/9/2021	31-12-21	10-08-22	05 tháng	
6	Hệ thống chiếu sáng công cộng các tuyến phố chính xã Trung Thành	Phường Trung Thành, TP Phố Yên	Ban QLDA DTXD	2021-2023	9381/QĐ-UBND ngày 21/9/2021	14-01-22	13-06-23	24 tháng	
7	Hệ thống chiếu sáng công cộng các tuyến phố chính xã Tân Hương	Phường Tân Hương, TP Phố Yên	Ban QLDA DTXD	2021-2023	11578/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	27-06-22	21-06-23	15 tháng	
8	Hệ thống chiếu sáng công cộng các tuyến phố chính xã Đông Cao	Phường Đông Cao, TP Phố Yên	Ban QLDA DTXD	2021-2023	9395/QĐ-UBND ngày 21/9/2021	31-12-22	26-09-23	8 tháng	
9	Cải tạo, chỉnh trang & mở rộng nghĩa trang xóm Tân Thịnh, xã Tân Hương	Phường Tân Hương, TP Phố Yên	Ban QLDA DTXD	2021-2023	4795/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	03-11-21	11-09-23	20 tháng	
10	Điện chiếu sáng tuyến đường liên xã Phúc Thuận đi Phúc Tân	Xã Phúc Thuận, Phúc Tân	Ban QLDA DTXD	2021-2023	10644/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	16-08-22	25-09-23	09 tháng	



11	Hệ thống điện chiếu sáng các tuyến chính đô thị	Thành phố Yên	Ban QLDA DTXD	2021-2023	1273/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	20-11-22	21-12-23	9 tháng	
12	Cải tạo, chỉnh trang nghĩa trang xóm Thượng & xóm Lai xã Thuận Thành	Phường Thuận Thành, TP Phố Yên	Ban QLDA DTXD	2021-2023	7182/QĐ-UBND ngày 22/7/2021	26-10-22	22-12-23	10 tháng	
13	Nhà lớp học 2 tầng 06 phòng trường mầm non Minh Đức (ĐT Đầm Muong)	xã Minh Đức, TP PY	Ban QLDA DTXD	2021-2023	4191/QĐ-UBND ngày 26/7/2022	12-05-23	22-12-23	3 tháng	
14	Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường mầm non Ba Hàng	Phường Ba Hàng, TP Phố Yên	Ban QLDA DTXD	2021-2023	7181/QĐ-UBND ngày 22/7/2021	20-06-22	15-11-23	15 tháng	
15	Cải tạo, nạo vét hồ Cơ Phi, xã Vạn Phái	Xã Vạn Phái	Phòng Kinh tế	2021-2023	9174/QĐ-UBND ngày 14/9/2021	26-01-22	04-04-23	24 tháng	
16	Cải tạo, nạo vét Đầm Di, xã Trung Thành	Phường Trung Thành, TP Phố Yên	Phòng Kinh tế	2021-2023	11.229/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	12-01-23	11-08-23	6 tháng	
17	Lắp đặt hệ thống đèn trang trí tuyến đường Nguyễn Cầu & tuyến đường từ Quốc lộ 3 đi Khu dân cư VII	Phường Ba Hàng, TP phố Yên	Ban QLMT &ĐT	2021-2023	2584/QĐ-UBND ngày 13/6/2022	02-10-22	22-12-23	10 tháng	
18	Lắp đặt hệ thống đèn trang trí tuyến đường Trần Nguyễn Hàn	Phường Ba Hàng, TP phố Yên	Ban QLMT &ĐT	2021-2023	2526/QĐ-UBND ngày 10/6/2022	26-09-22	22-12-23	11 tháng	
19	Lắp đặt cột cờ tại Quảng Trường Vạn Xuân thành phố Phố Yên	Phường Nam Tiến, TP Phố Yên	Ban QLDA DTXD	2022-2024	6269/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	30-12-22	23-10-23	9 tháng	
20	Cải tạo các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Hồng Tiến I	phường Hồng Tiến, TP Phố Yên	Ban QLDA DTXD	2022-2024	4593/QĐ-UBND ngày 08/8/2022	13-10-22	15-05-23	10 tháng	
21	Cải tạo nhà lớp học & phụ trợ Trường Tiểu học Hồng Tiến 1	phường Hồng Tiến, TP Phố Yên	Ban QLDA DTXD	2022-2024	4594/QĐ-UBND ngày 08/8/2022	21-10-22	15-05-23	10 tháng	
22	Cải tạo nhà lớp học và các công trình phụ trợ Trường Tiểu học Tân Hương	Phường Tân Hương, TP Phố Yên	Ban QLDA DTXD	2022-2024	4598/QĐ-UBND ngày 08/8/2022	05-12-22	20-05-23	03 tháng	
23	Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học và công trình phụ trợ Trường Mầm non Tân Hương	Phường Tân Hương, TP Phố Yên	Ban QLDA DTXD	2022-2024	4589/QĐ-UBND ngày 08/8/2022	30-10-22	25-08-23	10 tháng	

24	Cải tạo nhà hiệu bộ và công trình phụ trợ Trường THCS Thuận Thành	Phường Thuận Thành, TP Phố Yên	Ban QLDA DTXD	2022-2024	4600/QĐ-UBND ngày 08/8/2022	05-12-22	24-08-23	9 tháng	
25	Cải tạo nhà lớp học Trường THCS Tân Hương	Phường Tân Hương, TP Phố Yên	Ban QLDA DTXD	2022-2024	4588/QĐ-UBND ngày 08/8/2022	21-10-22	29/9/2023	8 tháng	
26	Cải tạo công trình phụ trợ Trường Tiểu học Thành Công III	xã Thành Công, TP Phố Yên	Ban QLDA DTXD	2022-2024	4584/QĐ-UBND ngày 08/8/2022	04-12-22	24-08-23	9 tháng	
27	Cải tạo nhà lớp học và các công trình phụ trợ Trường THCS Thành Công	xã Thành Công, TP Phố Yên	Ban QLDA DTXD	2022-2024	4583/QĐ-UBND ngày 08/8/2022	03-12-22	24-08-23	9 tháng	
28	Cải tạo công trình phụ trợ Trường Tiểu học Thành Công II (ĐT Đồng Đông)	xã Thành Công, TP Phố Yên	Ban QLDA DTXD	2022-2024	4585/QĐ-UBND ngày 7/8/2022	04-12-22	21/12/2023	9 tháng	
29	Cải tạo công trình phụ trợ Trường Mầm non Hồng Tiến II (ĐT Trung tâm & xóm Hắng)	phường Hồng Tiến, TP Phố Yên	Ban QLDA DTXD	2022-2024	4577/QĐ-UBND ngày 08/8/2022	30-12-22	21/12/2023	9 tháng	
30	Cải tạo nhà lớp học Trường Tiểu học Thuận Thành (ĐT Xây Thượng)	Phường Thuận Thành, TP Phố Yên	Ban QLDA DTXD	2022-2024	4586/QĐ-UBND ngày 08/8/2022	14-10-22	21/12/2023	10 tháng	
31	Cải tạo nhà hiệu bộ và công trình phụ trợ Trường THCS Thuận Thành	Phường Thuận Thành, TP Phố Yên	Ban QLDA DTXD	2022-2024	4600/QĐ-UBND ngày 08/8/2022	05-12-22	24-08-23	05 tháng	
32	Đầu tư hệ thống đèn trang trí tuyến đường từ Quốc lộ 3 cũ (Km41+950) đi đê Sông Công	Thành phố Phố Yên	Ban QLDA DTXD	2022-2024	5010/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	30-12-22	21-12-23	9 tháng	
33	Cải tạo, nâng cấp nhà lớp học và công trình phụ trợ Trường Mầm non Ba Hàng (ĐT Yên Trung)	Phường Ba Hàng, TP phố Yên	Ban QLDA DTXD	2022-2024	4580/QĐ-UBND ngày 08/8/2022	23-09-22	12-01-24	11 tháng	
34	Nâng cấp, lắp đặt phòng họp không giấy thành phố Phố Yên (Giai đoạn II)	Phường Ba Hàng, TP phố Yên	HDND-UBND TP	2022-2024	8433/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	30-12-22	12-07-23	04 tháng	
35	Cải tạo nhà làm việc & lắp đặt các thiết bị phòng tiếp công dân của thành phố Phố Yên	Phường Ba Hàng, TP phố Yên	Thanh tra	2022-2024	5457/QĐ-UBND ngày 08/9/2022	01-11-22	26-06-23	04 tháng	
36	Cải tạo, chỉnh trang nhà làm việc & phụ trợ Thành ủy Phố Yên	Phường Ba Hàng, TP phố Yên	Văn phòng Thành ủy Phố Yên	2022-2024	4195/QĐ-UBND	31-12-22	25-12-23	08 tháng	
37	Cải tạo nhà truyền thống, nhà làm việc & phụ trợ UBND thành phố Phố Yên	Phường Ba Hàng, TP phố Yên	VP HDND-UBND TP	2022-2024	4194/QĐ-UBND ngày 26/7/2022	06-10-22	26-07-23	6 tháng	



38	Cải tạo, chỉnh trang nhà khách Thành uỷ Phố Yên	Phường Ba Hàng, TP phố Yên	Văn phòng Thành uỷ Phố Yên	2022-2024	8827/QĐ-UBND	31-12-22	09-08-23	05 tháng	
V	Thành phố Sông Công								
1	Trường Tiểu học và THCS Vinh Sơn; Hàng mục: Nhà lớp học và phòng học bộ môn	TP. Sông Công	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	05/9/2019-20/9/2020	518/QĐ-UBND ngày 25/02/2022	20/9/2020	23-02-22	13 tháng	Nhà thầu chậm nộp hồ sơ quyết toán, hồ sơ hoàn Nhà thầu
2	Trường Mầm non Thắng Lợi	TP. Sông Công	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	23/12/2019 -30/5/2021	839/QĐ-UBND ngày 31/03/2022	20/03/2021	31-12-21	05 tháng	chậm nộp hồ sơ quyết toán, hồ sơ hoàn Nhà thầu
3	Quy hoạch mở rộng quảng trường và xây dựng Hội trường Thành uỷ Sông Công; Hàng mục: Hội trường Thành uỷ	TP. Sông Công	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	20/8/2019-11/8/2021	517/QĐ-UBND ngày 25/02/2022	30-05-21	20-12-21	03 tháng	chậm nộp hồ sơ quyết toán, hồ sơ hoàn Nhà thầu
4	Cải tạo, nâng cấp Trường tiểu học Ninh Sơn; Hàng mục: Nhà lớp học, phòng học chức năng	TP. Sông Công	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	25/05/2021 -19/1/2022	2485/QĐ-UBND ngày 10/10/2022	19-01-22	04-07-22	02 tháng	chậm nộp hồ sơ quyết toán, hồ sơ hoàn Nhà thầu
5	Xây dựng nhà làm việc mới của phường Châu Sơn	TP. Sông Công	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	01/12/2021 -30/3/2022	2628/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	30-03-22	05-09-22	01 tháng	chậm nộp hồ sơ quyết toán, hồ sơ hoàn Nhà thầu
6	Cải tạo, nâng cấp Trường tiểu học Cải Đan, hàng mục: Nhà lớp học, phòng chức năng	TP. Sông Công	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	01/7/2021 -22/4/2022	614/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	25-04-22	27-12-22	04 tháng	chậm nộp hồ sơ quyết toán, hồ sơ hoàn Nhà thầu
7	Cải tạo các hạng mục phụ trợ Trung tâm Văn hoá - Thể thao thành phố Sông Công	TP. Sông Công	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	12/3/2022 -8/8/2022	533/QĐ-UBND ngày 22/3/2023	08-08-22	27-12-22	01 tháng	chậm nộp hồ sơ quyết toán, hồ sơ hoàn Nhà thầu
8	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Bình Sơn I; Hàng mục: Nhà lớp học, phòng chức năng	TP. Sông Công	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	12/3/2022 - 10/9/2022	1549/QĐ-UBND ngày 15/8/2023	10-11-22	05-05-23	02 tháng	chậm nộp hồ sơ quyết toán, hồ sơ hoàn Nhà thầu
9	Trung tâm Văn hoá phường Mộ Chè	TP. Sông Công	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	23/2/2022 -17/11/2022	1587/QĐ-UBND ngày 22/8/2023	17-11-22	26-05-23	02 tháng	chậm nộp hồ sơ quyết toán, hồ sơ hoàn Nhà thầu
10	Sửa chữa đường DH01 - DH05 (Cầu treo - Vinh Sơn - Bình Sơn - Đèo Nhôm)	TP. Sông Công	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	21/11/2018-15/9/2019	24/QĐ-UBND ngày 08/01/2021	15-09-19	05-01-21	12 tháng	chậm nộp hồ sơ quyết toán, hồ sơ hoàn Nhà thầu
11	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Lý Tự Trọng; Hàng mục: Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng	TP. Sông Công	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	05/9/2019-22/4/2020	36/QĐ-UBND ngày 11/01/2021	22-04-20	16-10-20	02 tháng	chậm nộp hồ sơ quyết toán, hồ sơ hoàn Nhà thầu

12	Xây dựng Hội trường UBND xã Bá Xuyên	TP. Sông Công	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	23/4/2020-15/9/2020	1867/QĐ-UBND ngày 23/8/2021	15-09-20	12-08-21	07 tháng	Nhà thầu chậm nộp hồ sơ quyết toán,
13	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Phố Cò; HM: Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng	TP. Sông Công	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	15/9/2019-09/6/2020	1849/QĐ-UBND ngày 23/8/2021	09-06-20	17-08-21	10 tháng	hồ sơ hoàn chậm nộp hồ sơ quyết toán,
14	Cải tạo, nâng cấp trường Mầm non Tân Quang; HM: Nhà lớp học	TP. Sông Công	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	8/8/2019-10/9/2020	1865/QĐ-UBND ngày 23/8/2021	10-09-20	17-08-21	07 tháng	hồ sơ hoàn Nhà thầu chậm nộp hồ sơ quyết toán,
15	Trường Tiểu học Tân Quang, thành phố Sông Công	TP. Sông Công	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	01/06/2017 - 24/8/2018	2753/QĐ-UBND ngày 24/8/2021	24-08-18	08-04-20	16 tháng	hồ sơ hoàn Nhà thầu chậm nộp hồ sơ quyết toán,
16	Trường TH và THCS Tân Quang; HM: Nhà lớp học bộ môn	TP. Sông Công	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	29/11/2019 -23/11/2020	2213/QĐ-UBND ngày 21/9/2021	23-11-20	23-06-21	03 tháng	hồ sơ hoàn Nhà thầu chậm nộp hồ sơ quyết toán,
17	Đường 30/4 thành phố Sông Công, đoạn từ đường Thăng Lợi đến đường Thông Nhất (phần xây lắp)	TP. Sông Công	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	26/12/2017-31/12/2021	3296 31/12/2022; 2678 29/12/2023	31-12-21	29-11-21	07 tháng	chậm nộp hồ sơ quyết toán, hồ sơ hoàn
18	Lập Quy hoạch sử dụng đất thành phố Sông Công thời kỳ 2021-2030	TP. Sông Công	Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Sông Công	28/4/2021 - 9/9/2021	2612/QĐ-UBND ngày 25/10/2022	09-09-21	18-08-22	7 tháng	Chú đầu tư chậm hoàn thiện hồ sơ
19	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục phường Lương Sơn đoạn từ Quốc lộ 3 đi về dân phố Ngần	TP. Sông Công	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	05/10/2021 - 02/4/2022	263/QĐ-UBND ngày 22/02/2023	02-04-22	25-11-22	04 tháng	Nhà thầu chậm nộp hồ sơ quyết toán, hồ sơ hoàn
20	Khu dân cư TDP 7, 8 phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công; Hàng mục: San nền, đường giao thông (Giai đoạn 1) (phần xây lắp)	TP. Sông Công	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	6/4/2018 - 31/5/2019	3927/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	31-05-19	02-10-20	12 tháng	Do vướng mắc công tác BTGPMB (chí
21	Trường Mầm non Bá Xuyên; Hàng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng (phần xây lắp)	TP. Sông Công	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	20/7/2018 - 26/3/2019	3926/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	26-03-19	02-11-20	16 tháng	Do vướng mắc công tác BTGPMB (chí OT nhân xây
VI	<b>Huyện Phú Bình</b>								
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục xã Nga Mỹ đoạn từ xóm Đình B đi đường vành đai 5	Xã Nga Mỹ	Ban QLDA ĐTXD	2021 - 2022	QĐ số 2293/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của UBND huyện Phú Bình	28-09-22	QĐ số 3359/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	4 tháng	



2	Tuyến đường GTNT xóm Đèo Khê - Bò La xã Tân Kim huyện Phú Bình	Xã Tân Kim	Ban QLDA DTXD	2021 - 2022	QĐ số 2273/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND huyện Phú Bình	21/9/2022	QĐ số 3360/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	4 tháng	
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Chùa Cả xã Hà Châu đi đường Vành đai 5.	Xã Hà Châu	Ban QLDA DTXD	2021 - 2022	QĐ số 2274/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND huyện Phú Bình	12-08-22	QĐ số 3357/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	5 tháng	
4	Nâng cấp, sửa chữa đường liên xã Thanh Ninh - Hoàng Thanh (Đoạn từ đường 261C ngã 3 xóm Hòa Bình 2 đi xã Hoàng Thanh – Hiệp Hòa – Bắc Giang)	Xã Thanh Ninh	Ban QLDA DTXD	2021 - 2022	QĐ số 2334/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 của UBND huyện Phú Bình	04-11-23	3356/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	2 tháng	
5	Nhà lớp học 3 tầng 10 phòng học và các phòng chức năng Trường Mầm non Xuân Phương	Xã Xuân Phương	Ban QLDA DTXD	2021 - 2022	QĐ số 4115/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của UBND huyện Phú Bình	26/12/2022	QĐ số 3400/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	4 tháng	
6	Nhà làm việc bộ phận một cửa xã Nhà Lộng 2 tầng	Xã Nhà Lộng	Ban QLDA DTXD	2021 - 2022	QĐ số 4216/QĐ-UBND ngày 15/6/2021 của UBND huyện Phú Bình	26/5/2023		4 tháng	
7	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc xã Tân Thành	Xã Tân Thành	UBND xã Tân Thành	2021 - 2022	QĐ số 8335/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND huyện Phú Bình	30/12/2021		30 tháng	
8	Đường vào căn cứ chiến đấu huyện Phú Bình	Xã Tân Thành	Ban QLDA DTXD	2021 - 2022	Quyết định 1689/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của UBND huyện Phú Bình	25-07-22	QĐ số 1689/QĐ-UBND ngày 30/5/2023	2 tháng	
9	Hầm hợp Huyện ủy trong căn cứ chiến đấu	Xã Tân Thành	Ban CHQS huyện	2021 - 2022	NQ 39/NQ-HUBND ngày 17/5/2021 của HUBND huyện Phú Bình	31/12/2021		30 tháng	
VII	<b>Huyện Đại Từ</b>								
1	Sửa chữa công, hàng rào, sân bê tông, bản mái tôn trạm y tế xã Tân Thái huyện Đại Từ	Xã Tân Thái	UBND xã Tân Thái	25/4/2020 - 21/9/2020	Số 97/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	T9/2020	Số 255 ngày 20/07/2021	2 tháng	
2	Sửa chữa nhà văn hoá xã Cù Vân	Xã Cù Vân	UBND xã Cù Vân	T6/2020 - T9/2020	Số 62/QĐ-UBND ngày 06/5/2020	28-09-20	54/QĐ-UBND ngày 05/7/2021	2 tháng	

3	Trung tâm văn hóa các dân tộc huyện Đại Từ	Thị trấn Hùng Sơn	BQL dự án đầu tư xây dựng huyện	2018 - 2020	Số 6516/QĐ-UBND- 31/10/2018	12-08-22	3280-06/7/2023	3 tháng	
4	Xây dựng hàng rào khu trung tâm văn hóa xã Quân Chu	Xã Quân Chu	UBND xã Quân Chu	T02/2020 - T10/2020	Số 152/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	01-10-20	272/QĐ-UBND ngày 21/7/2021	1 tháng	
5	Xây dựng các phòng chức năng nhà văn hóa xã Lục Ba	Xã Lục Ba	UBND xã Lục Ba	21/6/2019 - 21/9/2019	61/QĐ-UBND ngày 17/4/2018	01-09-19	151/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	10 tháng	
6	Nâng cấp, sửa chữa đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ xã Tân Lĩnh	xã Tân Lĩnh	UBND xã Tân Lĩnh	11/0/2019 - 15/2021	Số 128 ngày 25/6/2019	01-10-20	Số 656 ngày 28/11/2021	4 tháng	
7	Đường giao thông vào vùng sản xuất tập trung HTX Tiên Trường 3 xã Tiên Hội	Xã Tiên Hội	UBND xã Tiên Hội	5/9/2020 - 29/5/2021	QĐ số 198 ngày 10/8/2020	01-03-21	QĐ số 148 ngày 21/7/2022	9 tháng	
8	Đường giao thông vào vùng sản xuất tập trung HTX Tiên Trường 3 xã Tiên Hội (GD 2)	Xã Tiên Hội	UBND xã Tiên Hội	30/12/2020 - 29/5/2021	QĐ số 327 ngày 21/12/2020	01-04-21	QĐ số 162 ngày 09/8/2023	8 tháng	
9	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Đức Lương đi Phú Cường huyện Đại Từ	Xã Đức Lương	BQL dự án đầu tư xây dựng huyện	2018 - 2021	3381/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	24-05-21	276/QĐ-UBND ngày 07/2/2024	01 tháng	
10	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Cù Vân - Phú Linh huyện Đại Từ	xã Cù Vân - Phú Linh	BQL dự án đầu tư xây dựng huyện	Năm 2017 - 2021	2918/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	21-07-21	2527/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	7 tháng	
11	Đường vào trung tâm xã Bản Ngoại và xã Phú Lạc	Bản Ngoại và xã Phú Lạc	BQL dự án đầu tư xây dựng huyện	2012 - 2017	2545/QĐ-UBND ngày 30/10/2010	01-02-20	Số 278/QĐ- UBND ngày 07/2/2024	40 tháng	
12	Đường GTLX Cát Nê - Thâm Thịnh - Quân Chu	Xã Cát Nê	BQL dự án đầu tư xây dựng huyện	2016 - 2022	1346/QĐ-UBND ngày 14/6/2010	06-06-19	Số 277/QĐ- UBND ngày 07/2/2024	48 tháng	
13	Đường giao thông liên xóm Chiếm 2 - Tân Tiến 1 xã Quân Chu	Xã Quân Chu	UBND xã Quân Chu	1/7/2019 - 12 2019	Số 2071/QĐ-UBND ngày 08/05/2019	T12/2019	2822/QĐ-UBND ngày 17/6/2021	10 tháng	
14	Cải tạo, sửa chữa ngầm cống hộp đường vào khu sản xuất xóm Tân Tiến 1, Tân Tiến 2 xã Quân Chu	Xã Quân Chu	UBND xã Quân Chu	1/2/2020 - 2021	Số 184b/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	01-02-19	48/QĐ-UBND ngày 12/03/2021	18 tháng	
15	Đường giao thông liên xóm Hùng Vương - Vạn Thành 2 xã Quân Chu	Xã Quân Chu	UBND xã Quân Chu	1/3/2019 - 07/2019	Số 184a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	T07/2019	111a/QĐ-UBND ngày 11/5/2020	2 tháng	



16	Đường bê tông từ nhà Văn hóa xóm Ao Soi đến nhà Văn hóa xóm Cây Thỏ (cũ) thuộc xóm Ao Soi mới xã Na Mao	Xã Na Mao	UBND xã Na Mao	1/2/2020 - 07/2020	Số 46/QĐ-UBND ngày 27/12/2019	T7/2020	Số 07/QĐ-UBND ngày 29/4/2021	1 tháng	
17	ngheà trang nhân dân: Nhánh 1 từ nhà bà Hoà đến nhà ông Tú, Nhánh 2 từ ngã ba nhà ông Ti đến nhà ông Tuấn ở xã Na Mao	Xã Na Mao	UBND xã Na Mao	1/3/2020 - 09/2020	Số 50a/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	T07/2020	44/QĐ-UBND ngày 23/8/2021	5 tháng	
18	Mở rộng nền đường, đổ bê tông xóm Nam Thắng - Đồng Bản xã Na Mao	Xã Na Mao	UBND xã Na Mao	1/6/2020 - 01/2021	2484/QĐ-UBND ngày 28/5/2020	T01/2021	7586/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	4 tháng	
19	Nâng cấp, mở rộng đường xóm Văn Cường 3 xã Phú Cường, hạng mục: Mặt đường, rãnh dọc, cống ngang	xã Phú Cường	UBND xã Phú Cường			T6/2020	113/QĐ-UBND ngày 4/6/2021	4,5 tháng	
20	Đường giao thông liên xóm Lược 1 đi xóm Mận xã Phúc Linh	Xã Phúc Linh	UBND xã Phúc Linh	Năm 2020 - 2020	Số 5832/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	T9/2020	Số 146/QĐ-UBND ngày 22/07/2021	2 tháng	
21	Nâng cấp, mở rộng đường vào khu quy hoạch dân cư xóm Tân Lập xã Tân Thái	Xã Tân Thái	UBND xã Tân Thái	43693	198 ngày 30/10/2017	T01/2019	Số 388/QĐ-UBND ngày 13/12/2019	3 tháng	
22	Đường bê tông xi măng ( từ nhà anh Hải Loan đến nhà bà Quỳnh Viết) xã Cát Nê.	Xã Cát Nê	UBND xã Cát Nê	1/7/2020 - 11/2020	Số 5578 ngày 10/10/2019	T01/2021	Số 165 ngày 06/10/2021	1,5 tháng	
23	Đường Nông trường – Tân Lập xã Cát Nê.	Xã Cát Nê	UBND xã Cát Nê	44013	Số 5578 ngày 10/10/2019	T01/2021	Số 237 ngày 31/12/2021	4,5 tháng	
24	Đường giao thôn nông thôn xóm Thuận Yên xã Mỹ Yên năm 2020	Xã Mỹ Yên	UBND xã Mỹ Yên	20/3/2020 - 20/7/2020	198a/QĐ-UB ngày 30/10/2019	01-07-20	252/QĐ-UB ngày 27/9/2021	6,5 tháng	
25	Nâng cấp đường liên xóm Trại Mới - Trại Tre	xã Phú Lạc	UBND xã Phú Lạc	25/8/2021 - 12/8/2022	Quyết định số: 61/QĐ-UBND ngày 11/5/2021	T9/2022	124/QĐ-UBND ngày 10/8/2023	3 tháng	
26	Đường giao thông liên xã Bản Ngoại - Tiên Hội	UBND xã Bản Ngoại	UBND xã Bản Ngoại	1/9/2021 - 08/2022	146 ngày 02/06/2021	09-06-22	165 ngày 31/08/2023	6,5 tháng	
27	Nâng cấp tràn liên hợp xóm 9 đi xóm 10 xã Tân Linh	xã Tân Linh	UBND xã Tân Linh	1/3/2022 - 01/2023		01-12-22	Số 258/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	4,5 tháng	
28	Nâng cấp, cải tạo Chợ xã Quần Chu	Xã Quần Chu	UBND xã Quần Chu	T9/2020 - 01/2021	Số 182/QĐ-UBND ngày 15/09/2020	T01/2021	445/QĐ-UBND ngày 18/12/2021	4 tháng	
29	Kênh hạ lưu hồ phượng hoàng đến xóm 12 và xóm 13 xã Cù Vân	Xã Cù Vân	UBND xã Cù Vân	1/4/2020 - 07/2020	Số 18/QĐ-UBND ngày 12/5/2020	21-07-20	55/QĐ-UBND ngày 05/7/2021	4,5 tháng	
30	Kênh mương hồ Đá Giản đến xóm 6 xã Cù Vân	Xã Cù Vân	UBND xã Cù Vân	2020 - 2021	Số 19/QĐ-UBND ngày 12/5/2020	15-06-20	288/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	9 tháng	
31	Trạm bơm điện xóm 2 Hòa Tiến xã Minh Tiến	Xã Minh Tiến	UBND xã Minh Tiến	2020 - 2021		01-10-20	Số 170 ngày 04/08/2021	2 tháng	

VIII Huyện Phú Lương									
									Nhà thầu chậm nộp hồ sơ quyết toán, hồ sơ hoàn
1	Đường GTNT xã Tức Tranh (Đường GTNT.LX QL3-Phấn Mễ -Tức Tranh), huyện Phú Lương tỉnh Thái Nguyên đoạn tuyến Tức Tranh-Yên Lạc-Yên Đổ	Tức tranh - Yên Lạc - Yên Đổ	BQL dự án ĐTXD huyện PL	2011-2013	3191; 15/12/2023	2019		40 tháng	Nhà thầu chậm nộp hồ sơ quyết toán, hồ sơ hoàn
2	Đường GTNT từ xóm Đồng Cháy xã Phú Lý đi xóm Khe Thương xã Yên Đổ	Yên Đổ	BQL dự án ĐTXD huyện PL	2021 - 2022		2022		6,5 tháng	Nhà thầu chậm nộp hồ sơ quyết toán, hồ sơ hoàn
3	Sân vận động xã Tức Tranh, huyện Phú Lương	Tức Tranh	BQL dự án ĐTXD huyện PL	2018-2019	1152; 7/6/2022	2019		21 tháng	Nhà thầu chậm nộp hồ sơ quyết toán, hồ sơ hoàn
4	Trường mầm non Phấn Mễ I. HM: Nhà lớp học	Phấn Mễ	BQL dự án ĐTXD huyện PL	2020-2021	3043; 31/12/2022	2021		4,5 tháng	Nhà thầu chậm nộp hồ sơ quyết toán, hồ sơ hoàn
5	Phân hiệu trường tiểu học thị trấn Du. Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, bếp ăn bán trú	TT Du	BQL dự án ĐTXD huyện PL	2020-2021	2980; 29/12/2022	2021		4,5 tháng	Nhà thầu chậm nộp hồ sơ quyết toán, hồ sơ hoàn
6	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường tiểu học Yên Trach I; Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng Trường mầm non Yên Lạc huyện Phú Lương, thuộc dự án: Đầu tư Kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học cho đồng bào dân tộc vùng sâu, vùng xa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2016-2020 (giai đoạn 2)	Yên Trach - Yên Lạc	BQL dự án ĐTXD huyện PL	2020-2021	29; 09/1/2024	2022		5,5 tháng	Nhà thầu chậm nộp hồ sơ quyết toán, hồ sơ hoàn
7	Sửa chữa, nâng cấp một số hạng mục cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở Yên Trach, huyện Phú Lương	Yên Trach	BQL dự án ĐTXD huyện PL	2020-2021	1253; 12/6/2024	2022		10,5 tháng	Nhà thầu chậm nộp hồ sơ quyết toán, hồ sơ hoàn
8	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng khu xử lý rác thải huyện Phú Lương (giai đoạn 2)	Yên Lạc	BQL dự án ĐTXD huyện PL	2020-2021		2021		16,5 tháng	Nhà thầu chậm nộp hồ sơ quyết toán, hồ sơ hoàn



**DANH MỤC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP SANG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

STT	Danh mục công trình	Tổng mức đầu tư
<b>A</b>	<b>CẤP TỈNH</b>	<b>1.188.117</b>
1	Phát triển CSHT thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc, tỉnh Thái Nguyên	921.178
2	Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên	194.423
3	Đầu tư xây dựng tuyến đường nối ĐT.261 - ĐT.266	736.391
4	Tuyến đường kết nối từ đường Bắc Sơn đến khu liên hợp thể thao tỉnh Thái Nguyên	489.188
5	Dự án đường nối từ tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc đến đường Triệu Quang Phục	137.908
6	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên	69.112
7	Xây dựng kho lưu trữ chuyên dụng của tỉnh và trụ sở làm việc trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Thái Nguyên	72.516
<b>B</b>	<b>CẤP HUYỆN</b>	<b>10.041.663</b>
<b>I</b>	<b>THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN</b>	<b>8.951.906</b>
1	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài thuộc địa phận phường Quang Trung, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên	338.399
2	Xây dựng hạ tầng khu dân cư tổ 11A phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	122.197
3	Xây dựng hạ tầng khu dân cư tổ 11B phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	138.500
4	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Thanh Niên Xung Phong và xây dựng hạ tầng khu dân cư hai bên đường	367.448
5	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (đoạn từ đường cao tốc Hà Nội Thái Nguyên đến xóm Cây Xanh, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên) bên phải tuyến	368.997
6	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (đoạn từ đường cao tốc Hà Nội Thái Nguyên đến xóm Cây Xanh, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên) bên trái tuyến	433.682
7	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (đoạn từ xóm Cây Xanh, xã Quyết Thắng đến xóm Cao Tráng, xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên) bên trái tuyến	391.997
8	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (đoạn từ xóm Cây Xanh, xã Quyết Thắng đến xóm Cao Tráng, xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên) bên phải tuyến	341.481
9	Khu dân cư số 1, đường Việt Bắc, phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	393.114
10	Khu tái định cư số 1 xóm Trung Thành, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	152.401
11	Khu tái định cư tổ 3 Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	149.088
12	Khu Tái định cư số 1, 2 xóm Trung Tâm, xã Phúc Xuân	247.710
13	Mở rộng Khu dân cư số 1 đường Việt Bắc, phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	273.724

STT	Danh mục công trình	Tổng mức đầu tư
14	Khu dân cư số 2 đường Việt Bắc, phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	227.510
15	Khu dân cư số 3 đường Việt Bắc, phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	238.956
16	Xây dựng hồ điều hòa tại Khu dân cư số 2 đường Việt bắc, phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	82.545
17	Khu tái định cư liên tổ 19, 20 phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên giai đoạn 1	156.057
18	Khu tái định cư liên tổ 13, 19, 23 phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên giai đoạn 1	91.725
19	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài đoạn giao với đường Tổ Hữu bên trái tuyến	10.003
20	Xây dựng cảnh quan cây xanh dọc hai bên đường Bắc sơn kéo dài	203.265
21	Xây dựng trạm xử lý nước thải phục vụ các khu dân cư đường Việt Bắc, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn 1)	47.497
22	Khu dân cư số 3 xã Huống Thượng, thành phố Thái Nguyên	236.562
23	Khu dân cư tổ dân phố Nhị Hòa, phường Đồng Bầm, thành phố Thái Nguyên	358.520
24	Khu dân cư tổ 13, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên	130.940
25	Khu dân cư phường Thịnh Đán và xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn 2)	104.352
26	Khu dân cư số 2 Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	176.367
27	Khu dân cư Quyết Thắng - Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên	172.010
28	Xây dựng Khu tái định cư số 1 xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên (Giai đoạn I)	107.753
29	Xây dựng Khu tái định cư số 1 xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên	98.359
30	Xây dựng Khu tái định cư số 2 xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên	90.557
31	Khu tái định cư số 5, phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn 1)	105.980
32	Khu tái định cư số 4, phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	239.168
33	Xây dựng Khu tái định cư số 1, xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn II)	141.525
34	Xây dựng khối nhà 2 tầng 8 phòng học, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu Học số 2 Linh Sơn, thành phố Thái Nguyên	8.360
35	Xây dựng khối nhà 3 tầng 9 phòng học, phòng hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường Mầm non Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên	10.753
36	Xây dựng khối nhà 3 tầng 12 phòng học, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Tân Cương, thành phố Thái Nguyên	12.506
37	Khối nhà 3 tầng 6 phòng học và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	6.360



STT	Danh mục công trình	Tổng mức đầu tư
38	Cải tạo, sửa chữa dãy nhà 2 tầng 10 phòng học, xây mới khối nhà 3 tầng phòng học, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên	14.969
39	Xây dựng khối nhà 3 tầng hiệu bộ, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Tân Thành 1, thành phố Thái Nguyên	10.580
40	Xây dựng khối nhà 2 tầng, phòng học, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ Trường tiểu học Huống Thượng, thành phố Thái Nguyên	9.820
41	Đầu tư xây dựng cầu Quang Vinh 1, cầu Quang Vinh 2 và hệ thống đường giao thông kết nối phường Đồng Bầm, phường Quang Vinh và xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	1.528.400
42	Hoàn thiện đường Bắc Nam - Huống Thượng đoạn qua Khu dân cư tổ 14, phường Túc Duyên (Khu nhà ở Thăng Long), thành phố Thái Nguyên	17.000
43	Cải tạo, chỉnh trang tuyến đường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên (đoạn từ Đài tưởng niệm đến cây xăng)	3.240
44	Xây dựng khối nhà 2 tầng 8 phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ trạm y tế phường Tân Long, thành phố Thái Nguyên	4.577
45	Xây dựng khối nhà 2 tầng 8 phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ trạm y tế xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên	4.578
46	Xây dựng khối nhà 2 tầng 8 phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ trạm y tế phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên	6.169
47	Xây dựng Khối nhà 2 tầng 8 phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ trạm y tế phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên	5.000
48	Xây dựng đường vào, ra khu căn cứ chiến đấu 02	4.993
49	Cắm mốc giới khu căn cứ chiến đấu 01, 02 và mốc giới trận địa phòng không	1.500
50	Xây dựng cảnh quan phía sau quảng trường Võ Nguyên Giáp, thành phố Thái Nguyên	200.000
51	Khu nhà ở tổ 4, phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	7.859
52	Khu dân cư đường Lưu Nhân Chú phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn 2)	23.546
53	Hạ tầng khu dân cư liền kề phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên	67.123
54	Khu dân cư số 5, đường Việt Bắc, phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	131.480
55	Xây dựng trạm xử lý nước thải tại Khu dân cư số 10 phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên	7.392
56	Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải khu dân cư tổ 13, 14 phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên	7.387
57	Xây dựng trạm xử lý nước thải khu dân cư số 3, xã Huống Thượng, thành phố Thái Nguyên	16.392
58	Xây dựng trạm xử lý nước thải khu dân cư tổ dân phố Nhị Hoà, phường Đồng Bầm, thành phố Thái Nguyên	19.254
59	Xây dựng trạm xử lý nước thải khu dân cư số 2 Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	14.538
60	Xây dựng trạm xử lý nước thải khu dân cư Quyết Thắng - Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên	11.158
61	Xây dựng trạm xử lý nước thải phục vụ các dự án thuộc đồ án quy hoạch chi tiết Khu dân cư phường Tân Lập - Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên	40.695

STT	Danh mục công trình	Tổng mức đầu tư
62	Đầu tư hệ thống đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin viễn thông (hệ thống truyền thanh thông minh) trên địa bàn thành phố Thái Nguyên	17.888
<b>II</b>	<b>HUYỆN ĐẠI TỪ</b>	<b>636.549</b>
63	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường từ ngã ba Ba Giảng (QL.37) đến cầu treo Làng Vòng xã Bản Ngoại	23.000
64	Mở rộng nâng cấp tuyến đường từ Quốc lộ 37 vào Thác Ba Dội xã Phú Xuyên,	28.000
65	Xây dựng Sân vận động huyện Đại Từ (giai đoạn 1)	111.000
66	Xây dựng đường giao thông kết nối Quốc lộ 37 với đường ĐT.270 (đoạn từ đường Cù Vân - An Khánh đến Hồ Cây Vi thuộc xã Tân Thái, huyện Đại Từ) Giai đoạn 1	51.607
67	Xây dựng cầu An Long và đường kết nối tỉnh lộ ĐT.270 với tỉnh lộ ĐT.261 huyện Đại Từ	350.000
68	Khu tái định cư xã Bình Thuận phục vụ các dự án thu hồi đất trên địa bàn huyện Đại Từ (thuộc khu dân cư số 2, xã Bình Thuận, huyện Đại Từ)	72.942
<b>III</b>	<b>HUYỆN PHÚ BÌNH</b>	<b>453.208</b>
69	Trụ sở làm việc Huyện uỷ, HĐND và UBND huyện Phú Bình	40.000
70	Căn cứ chiến đấu huyện Phú Bình	35.000
71	Khu dân cư Ngọc Xuân, xóm Kiều Chính xã Xuân Phương huyện Phú Bình	127.396
72	Khu đô thị số 2B thị trấn Hương Sơn	77.107
73	Khu đô thị số 9, thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	170.705
74	Khu dân cư Vàng Ngoài xã Tân Đức	3.000
75	Điểm dân cư trung tâm xã Bàn Đạt	3.000
76	Điểm dân cư trung tâm xã Thanh Ninh	2.500



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH THÁI NGUYÊN**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐOÀN GIÁM SÁT**

Số: 177/TTr-ĐGS

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 12 năm 2024

**TỜ TRÌNH**

**Về việc đề nghị thông qua kết quả giám sát việc thực hiện  
Kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021 - 2025**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;


Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về Chương trình giám sát năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh “Giám sát việc thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021 - 2025”;

Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua Báo cáo kết quả giám sát việc thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021 - 2025.

*(Có Báo cáo kết quả giám sát và dự thảo Nghị quyết gửi kèm)*

Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. 

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Các đại biểu dự Kỳ họp thứ hai mươi ba;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các phòng chuyên môn thuộc Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu VT, CTHĐND.

**TM. ĐOÀN GIÁM SÁT  
TRƯỞNG ĐOÀN**

  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC  
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH  
Đỗ Đức Công**

Số: /NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày tháng 12 năm 2024

DỰ THẢO LẦN 4

## NGHỊ QUYẾT

Thông qua kết quả giám sát việc thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021 - 2025

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về Chương trình giám sát năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh “Giám sát việc thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021 - 2025”;

Xét Tờ trình số /TTr-ĐGS ngày tháng 12 năm 2024 của Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị thông qua kết quả giám sát việc thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Tán thành Báo cáo kết quả giám sát việc thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021 - 2025. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất đánh giá về kết quả đạt được, những hạn chế cần tập trung chỉ đạo, thực hiện và các giải pháp khắc phục trong thời gian tiếp theo. Cụ thể như sau:

### 1. Kết quả đạt được

Trong những năm qua, thực hiện quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, với phương châm “Triển khai tốt, giải ngân nhanh, điều hành linh hoạt” tỉnh Thái Nguyên luôn chú trọng việc xây dựng,



triển khai kế hoạch đầu tư công trên địa bàn tỉnh, tập trung chỉ đạo việc lập Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, trên cơ sở bám sát kế hoạch tài chính - ngân sách trung hạn, khả năng ngân sách của địa phương, mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công. Việc bố trí vốn đầu tư công ngày càng tập trung, hiệu quả, cơ bản đảm bảo kịp thời, phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn, tiến độ triển khai dự án, tạo điều kiện cho các ngành, các cấp chủ động tổ chức thực hiện. Công tác giải ngân vốn đầu tư công được chỉ đạo sát sao, đảm bảo tiến độ, tỷ lệ giải ngân vốn hằng năm cao hơn so với mức bình quân chung cả nước. Công tác quản lý, triển khai thực hiện dự án đầu tư công và thanh quyết toán vốn được quan tâm chỉ đạo và triển khai tích cực. Kỷ luật, kỷ cương trong đầu tư công được tăng cường, gắn liền với trách nhiệm của người đứng đầu. Công tác theo dõi, giám sát, đánh giá, thanh tra, kiểm tra được tăng cường; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong đầu tư công. Kết quả, nhiều công trình, dự án lớn hoàn thành đưa vào sử dụng đã phát huy hiệu quả, nhiều công trình trọng điểm về giao thông, hạ tầng kinh tế, văn hóa, xã hội đang được tích cực triển khai; nguồn lực từ đầu tư công đã góp phần khuyến khích, thu hút đầu tư, tổng nguồn lực đầu tư toàn xã hội cho phát triển năm sau cao hơn năm trước, qua đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, góp phần xây dựng tỉnh Thái Nguyên thực sự trở thành “cực tăng trưởng” của Vùng trung du miền núi Bắc Bộ theo tinh thần Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

## **2. Tồn tại, hạn chế**

- Việc thi hành pháp luật, áp dụng Luật đầu tư công năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành còn gặp khó khăn, lúng túng trong triển khai thực hiện; một số huyện, thành phố chưa tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật đầu tư công trong công tác lập, xây dựng, phân bổ vốn đầu tư công;

- Chất lượng lập, thẩm định, xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn, đặc biệt là chất lượng thẩm định nguồn vốn đầu tư công từ nguồn thu sử dụng đất còn hạn chế, chưa sát với tình hình thực tiễn, một số huyện phải điều chỉnh giảm kế hoạch vốn nhiều lần, do đó đã ảnh hưởng đến việc tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được phê duyệt.

- Chất lượng công tác lập, thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật của một số cơ quan, đơn vị, địa phương chất lượng chưa cao.

- Việc thực hiện pháp luật, tuân thủ pháp luật về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu của một số chủ đầu tư vẫn còn hạn chế; tỷ lệ tiết kiệm ngân sách nhà nước qua đấu thầu chưa cao, có địa phương đạt dưới 1%.

- Công tác quản lý và sử dụng vốn đầu tư công còn hạn chế. Tỷ lệ giải ngân vốn các Chương trình mục tiêu Quốc gia, vốn ODA và một số dự án còn thấp; có đơn vị cấp huyện bố trí vốn chưa đảm bảo thứ tự ưu tiên theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của HĐND tỉnh, đặc biệt là



đối với các dự án hoàn thành, quyết toán và bàn giao đưa vào sử dụng; một số dự án còn tình trạng bố trí vốn kéo dài, chậm tiến độ so với hợp đồng thi công ký kết, phải điều chỉnh thời gian thực hiện.

- Công tác nghiệm thu, thanh toán, quản lý chi phí đầu tư của một số dự án chưa chính xác, phải điều chỉnh giảm giá trị thanh toán qua công tác thanh tra, kiểm toán; nhiều dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chậm hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt quyết toán từ 01 tháng đến 132 tháng; còn tình trạng chủ đầu tư một số dự án chưa hoàn thành việc thu hồi tạm ứng theo quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư công mặc dù đã được quan tâm nhưng chưa thường xuyên, chất lượng chưa cao, còn nhiều tồn tại, hạn chế được các cơ quan Thanh tra, Kiểm toán của các Bộ, ngành Trung ương phát hiện, xử lý.

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương; phối hợp giữa chủ đầu tư và nhà thầu trong việc thực hiện pháp luật về đầu tư công có lúc, có việc, có dự án còn chưa chặt chẽ, hiệu quả phối hợp chưa cao, đặc biệt là trong thực hiện nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, hoàn thiện hồ sơ giao đất; hoàn thiện thủ tục chuẩn bị đầu tư; hoàn thiện thủ tục giao tài sản chuyên dùng, tài sản đặc biệt sau đầu tư của một số dự án đầu tư công thuộc lĩnh vực quốc phòng; hoàn thiện hồ sơ trình thẩm tra quyết toán.

### **3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế**

#### **3.1. Nguyên nhân chủ quan**

- Nhận thức pháp luật về đầu tư công, đặc biệt là những quy định mới của Luật Đầu tư công năm 2019 của một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thống nhất, dẫn đến việc áp dụng pháp luật ở một số khâu, một số nội dung thiếu chính xác.

- Việc dự báo, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, thu ngân sách, nhất là thu tiền sử dụng đất chưa sát thực tế làm ảnh hưởng đến việc cân đối và phân bổ nguồn lực để thực hiện và hoàn thành kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

- Công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý và thực hiện dự án đầu tư công của một số cơ quan, địa phương cấp huyện, cấp xã có lúc, có việc còn thiếu quyết liệt, sâu sát; chưa chủ động kiểm tra, kịp thời hướng dẫn hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thực hiện quy định của pháp luật về đầu tư công có việc chưa chặt chẽ, chưa thống nhất. Một số địa phương chưa tích cực trong thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng của dự án; quy trình thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng còn hạn chế; công tác quản lý hiện trạng đất của UBND cấp xã còn hạn chế; hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý đất đai chưa đồng bộ, việc theo dõi, cập nhật, chỉnh lý biến động đất đai thực hiện chưa thường xuyên.



- Một bộ phận công chức, viên chức, người lao động thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án đầu tư công, bồi thường, giải phóng mặt bằng còn hạn chế về năng lực, kinh nghiệm công tác; công tác thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công ở cấp huyện đôi khi còn chậm.

- Các Chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ODA đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn nước ngoài hằng năm còn chưa chính xác; một số dự án có dự toán, khối lượng hoàn thành giảm nhiều so với dự toán được duyệt, dẫn đến dư vốn không còn khối lượng thanh toán, phải hủy vốn.

- Một số chủ đầu tư chưa tập trung, quyết liệt trong công tác đánh giá đầu tư dự án, quản lý, giám sát tiến độ, chất lượng công trình, đôn đốc các nhà thầu thi công theo tiến độ; chậm lập hồ sơ quyết toán khi dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng; nhiều chủ đầu tư là UBND cấp xã năng lực còn yếu.

- Năng lực của một số đơn vị tư vấn, nhà thầu còn chưa đáp ứng yêu cầu do đó, phải điều chỉnh, bổ sung nhiều lần bản vẽ thiết kế thi công - dự toán, ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả của dự án.

### **3.2. Nguyên nhân khách quan**

- Hệ thống văn bản hướng dẫn, triển khai Luật Đầu tư công năm 2019 (có hiệu lực năm 2020) và các văn bản hướng dẫn, triển khai 03 Chương trình mục tiêu quốc gia chưa đồng bộ và kịp thời, nhiều lần bổ sung, điều chỉnh. Quy định của pháp luật về đầu tư công, đất đai, khoáng sản, xây dựng, lâm nghiệp,... còn có quy định thiếu thống nhất, còn bất cập.

- Việc phân bổ, giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của Trung ương, nhất là nguồn vốn của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia còn chậm, điều chỉnh nhiều lần, ảnh hưởng đến việc giao kế hoạch vốn và bố trí vốn đối ứng thực hiện dự án.

- Do yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và các nhiệm vụ chính trị phát sinh trong kỳ kế hoạch phải bổ sung chủ trương đầu tư một số dự án, ảnh hưởng đến việc cân đối, phân bổ vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm.

- Trong giai đoạn 2021 - 2023, đại dịch Covid-19 đã làm ảnh hưởng lớn đến tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh, nguồn lực đầu tư toàn xã hội giảm, thu ngân sách nhà nước gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là thu tiền sử dụng đất hằng năm dẫn đến việc cân đối và phân bổ nguồn lực để thực hiện, chưa đáp ứng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đề ra; đồng thời ảnh hưởng tiến độ triển khai thực hiện của các dự án (chậm hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đầu tư; thi công thực hiện dự án). Giá nguyên vật liệu tăng cao, các doanh nghiệp ký kết hợp đồng trọn gói gặp nhiều khó khăn về phương án tài chính.

- Trong giai đoạn 2021 - 2023, việc cấp phép các mỏ vật liệu xây dựng thông thường, mỏ đất san lấp phục vụ dự án cần nhiều thời gian, hồ sơ, thủ tục; một số mỏ thuộc diện thoả thuận bồi thường giải phóng mặt bằng nên còn có nhiều vướng mắc, thời gian kéo dài.



- Một số dự án sử dụng vốn ODA gặp khó khăn trong thực hiện hợp đồng, đàm phán điều chỉnh hợp đồng và các nội dung liên quan đến Hiệp định với nhà thầu nước ngoài; thực hiện theo phương thức giải ngân dựa trên kết quả kiểm đếm, kiểm toán để thực hiện giải ngân kế hoạch năm, dẫn đến chậm giải ngân vốn ODA.

- Công tác đầu nối các dự án đầu tư xây dựng đường giao thông vào các tuyến đường Quốc lộ, tỉnh lộ và thủ tục cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tại một số địa phương gặp khó khăn, vướng mắc;

- Các chế tài bắt buộc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra, kiểm toán chưa rõ, chưa đủ mạnh nên một số trường hợp chưa chấp hành triệt để.

- Một bộ phận người dân có tư tưởng “trục lợi” khi đón đền bù dự án dẫn đến nhiều dự án phát sinh tăng tổng mức đầu tư, chậm tiến độ thực hiện dự án.

**Điều 2.** Để tiếp tục nâng cao chất lượng thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021 - 2025, Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp sau:

**1.** Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện quy định của pháp luật về đầu tư công; tập trung thực hiện quyết liệt, đồng bộ nhiệm vụ, giải pháp của Chính phủ về thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức, giải ngân vốn đầu tư công, tạo tiền đề phát triển kinh tế - xã hội nói chung và thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn nói riêng. Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành gắn với kiểm soát quyền lực nhằm thực hiện tốt kế hoạch đầu tư công.

**2.** Huy động tối đa các nguồn lực đầu tư, trọng tâm là bảo đảm nguồn lực ngân sách nhà nước để bố trí kế hoạch vốn, đáp ứng nhu cầu còn lại của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025. Tăng cường công tác quản lý thu, chi, tăng chi đầu tư phát triển, phát huy vai trò của vốn đầu tư công là vốn môi thu hút các nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách.

**3.** Nghiên cứu, ban hành quy chế phối hợp giữa các địa phương, sở, ngành và đơn vị có liên quan trong việc rà soát, thống kê, khảo sát, thẩm định thiết kế, dự toán của dự án nhằm hạn chế tình trạng tăng tổng mức đầu tư do chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng.

**4.** Siết chặt kỷ luật, kỷ cương; thực hiện tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư công; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, hậu kiểm, xử lý nghiêm vi phạm; kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch.

**5.** Thường xuyên tổ chức tập huấn, đào tạo đội ngũ cán bộ thực hiện công tác lập kế hoạch để nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ về vai trò, tầm quan trọng, ý nghĩa của công tác lập kế hoạch cũng như cập nhật các chính sách, chế độ, phương pháp lập kế hoạch mới; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan tổng hợp lập kế hoạch, các cơ quan liên quan và các đơn vị sử dụng ngân sách để bảo đảm quá trình lập kế hoạch được thông suốt.



6. Rà soát, xây dựng các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan đến việc thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền đảm bảo kịp thời, đồng bộ, thống nhất theo chỉ đạo của Trung ương và các văn bản pháp luật có liên quan.

7. Có giải pháp, phương án giải quyết đối với những tồn tại, hạn chế đã nêu. Trong đó, quan tâm thực hiện một số nội dung sau:

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị theo dõi, kiểm tra, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công, nhất là vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia, vốn vay ODA; bố trí đủ vốn để thực hiện các công trình dự án đã được phê duyệt đúng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên theo Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của HĐND tỉnh.

- Chỉ đạo Hội đồng thẩm định và các cơ quan có liên quan nâng cao chất lượng thẩm định, đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp với khả năng cân đối vốn; quản lý giá, điều chỉnh giá vật liệu xây dựng phổ biến trên địa bàn theo thẩm quyền, phù hợp với tình hình thực tiễn và quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo quy định của pháp luật và hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp và người dân. Tăng cường quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Chỉ đạo thực hiện nghiêm công tác quản lý đầu tư xây dựng; đấu thầu thực hiện dự án; theo dõi, giám sát chặt chẽ việc thi công, đảm bảo chất lượng công trình; kiểm soát chặt chẽ công tác lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, hạn chế tối đa các trường hợp phát sinh khối lượng làm tăng tổng mức đầu tư; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các công trình, dự án sau đầu tư; phát huy vai trò, trách nhiệm giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định của pháp luật.

- Tiếp tục cân đối, bố trí vốn đầu tư công để thực hiện 09 dự án đã được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng chưa có quyết định giao vốn.

- Ưu tiên bố trí vốn thanh toán nợ xây dựng cơ bản (nếu có), kiểm điểm trách nhiệm của cá nhân, đơn vị nếu phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản sau ngày 01/01/2015; từng bước hạn chế nợ xây dựng cơ bản kéo dài, chậm được quyết toán. Đồng thời, chỉ đạo việc hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục có liên quan để hoàn trả vốn vay, tạm ứng ngân sách.

- Chỉ đạo giải quyết dứt điểm những tồn tại, hạn chế liên quan đến việc thực hiện kế hoạch đầu tư công đã được các cơ quan Thanh tra, Kiểm toán của Trung ương, cũng như các cơ quan có thẩm quyền chỉ ra.

- Kịp thời báo cáo Bộ Quốc phòng để giải quyết những vướng mắc trong việc đưa tài sản công vào biên chế tài sản đối với một số dự án đầu tư công thuộc lĩnh vực quốc phòng, làm cơ sở phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành theo đúng quy định.



- Chỉ đạo, rà soát các dự án đã hết thời gian thực hiện và thời gian bố trí kế hoạch vốn; các dự án phải kéo dài thời gian giải ngân vốn đầu tư công trình HĐND tỉnh quyết định theo quy định tại Điều 52 và Điều 68 Luật Đầu tư công. Chỉ đạo công khai danh sách nhà thầu vi phạm thời gian lập hồ sơ quyết toán, không để nhà thầu vi phạm quy định về thời gian lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành tham gia đấu thầu dự án, gói thầu mới theo Điều 52 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

- Chỉ đạo rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các Ban Quản lý dự án trực thuộc UBND tỉnh để có phương án bố trí, sắp xếp về tổ chức bộ máy, cán bộ theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Xác định, đề xuất các công trình, dự án đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển của Quy hoạch tỉnh, có tính lan tỏa cao, tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư, đảm bảo an sinh xã hội. Chỉ đạo công tác lập, xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 đảm bảo trình tự, thủ tục; ứng dụng công nghệ thông tin, Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công ngay từ khâu lập, thẩm định, phân bổ, thông báo kế hoạch cho từng chương trình, dự án, chủ đầu tư, bảo đảm tính công khai, minh bạch trong quản lý đầu tư, phù hợp với xây dựng Chính phủ điện tử và tiến tới Chính phủ số.

#### **8. Lãnh đạo, chỉ đạo UBND cấp huyện một số nội dung sau:**

- Thực hiện các giải pháp tăng thu ngân sách, nhất là thu tiền sử dụng đất để đảm bảo nguồn vốn thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm đã phê duyệt. Bố trí vốn cho 109 dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng chưa có quyết định giao vốn thực hiện dự án. Kịp thời trình HĐND cấp huyện điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn cho phù hợp với khả năng ngân sách. Ưu tiên bố trí kế hoạch vốn trả nợ xây dựng cơ bản, không để phát sinh nợ XDCB và nợ đọng XDCB.

- Thường xuyên rà soát, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh kế hoạch vốn đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn cũng như tiến độ triển khai thực hiện của từng chương trình, dự án. Không để tình trạng dự án được giao vốn nhưng không giải ngân được hoặc tỷ lệ giải ngân thấp.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, các chủ đầu tư nâng cao trách nhiệm, chất lượng công tác tham mưu thực hiện đúng trình tự, thủ tục về đầu tư công; nâng cao chất lượng quản lý dự án theo quy định của pháp luật. Thực hiện nghiêm các quy định về đấu thầu, nâng cao hiệu quả đấu thầu, đảm bảo lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực thực hiện dự án theo tiến độ.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công, trong đó có vốn chương trình mục tiêu quốc gia. Có kế hoạch bố trí vốn để trả nợ vốn vay và hoàn tạm ứng, ứng trước kế hoạch vốn đối với các dự án ngân sách tỉnh đã cho vay, tạm ứng hoặc ứng trước kế hoạch vốn để thực hiện, nhưng đã quá hạn chưa thanh toán, hoàn ứng ngân sách tỉnh.



- Xử lý dứt điểm các vướng mắc liên quan để hoàn thành các dự án, công trình đang thi công dở dang, chậm tiến độ, nhất là các công trình kéo dài nhiều năm. Hạn chế việc phải trình HĐND tỉnh cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn, kéo dài thời gian giải ngân, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh.

- Đôn đốc chủ đầu tư và nhà thầu hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt quyết toán đúng thời hạn; rà soát, sớm giải quyết tình trạng các công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng nhiều năm nhưng chưa thực hiện quyết toán.

- Nghiên cứu, xây dựng các khu tái định cư tập trung tại các địa phương nhằm tạo sự chủ động trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng phục vụ các dự án của tỉnh, huyện.

- Chủ động đề xuất và phối hợp với các cơ quan chuyên môn của tỉnh về dự kiến các công trình, dự án phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh trong tình hình mới để làm cơ sở đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo và giám sát việc thực hiện Nghị quyết. Giao các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ hai mươi ba thông qua ngày      tháng 12 năm 2024./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Ban Công tác đại biểu (Báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Hoàng Sơn**